

VIỆN HÀM LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐỖ VĂN NGHIÊM

**TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG
GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
TỪ THỰC TIỄN HUYỆN PHÚ XUYÊN,
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành : Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số : 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. TRẦN VĂN ĐỘ

HÀ NỘI – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu của tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực.

Vậy, tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Học viện khoa học xã hội Việt Nam xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

Đỗ Văn Nghiêm

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên cho phép tôi được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới tập thể thầy cô Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Bộ môn luật hình sự và tổ tụng hình sự, các thầy cô giảng dạy và trực tiếp hướng dẫn đã tận tình dạy dỗ và truyền đạt cho tôi những kiến thức, kinh nghiệm cũng như lòng yêu mến, tâm huyết với nghề nghiệp.

Xin trân trọng cảm ơn phó PGS – TS Trần Văn Độ người đã hướng dẫn và chỉ bảo cho tôi rất tận tình trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Nhờ có sự chỉ bảo giúp đỡ của thầy, tôi đã có được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc triển khai và thực hiện đề tài nghiên cứu.

Xin chân thành cảm ơn các bạn Cao học luật khóa VI đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi có thể hoàn thành tốt công trình nghiên cứu này.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn cán bộ lãnh đạo, cán bộ nhân viên và học viên Học viện khoa học xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho tôi thực hiện nghiên cứu tại đơn vị.

Dù đã rất cố gắng và tâm huyết với đề tài nhưng do kiến thức của bản thân về lĩnh vực nghiên cứu chưa thực sự chuyên sâu, thời gian nghiên cứu còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ phía các thầy cô giáo để luận văn của tôi được hoàn chỉnh và chất lượng hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tác giả

Đỗ Văn Nghiêm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ.....	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa vai trò của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm	8
1.2. Khái quát lịch sử lập pháp tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.	18
Chương 2 QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	24
2.1. Quy định về trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo pháp luật hiện hành.	24
2.2. Thực tiễn trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.	43
Chương 3 GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM CỦA VỤ ÁN HÌNH SỰ	60
3.1. Các quan điểm về trả hồ sơ để điều tra bổ sung	60
3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử	68
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng Hình sự
HTND	Hội thẩm nhân dân
HĐXX	Hội đồng Xét xử
TAND	Tòa án Nhân dân
TANDTC	Tòa án Nhân dân Tối cao
VKS	Viện Kiểm sát
VKSND	Viện Kiểm sát Nhân dân
XHCN	Xã hội Chủ nghĩa
TTLN:	Thông tư liên ngành
CHXHCNVN	Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Bảng thống kê số vụ án hình sự thụ lý hàng năm, số vụ án trả hồ sơ hàng năm từ 2012 – 2016	42
Bảng 2. Bảng thống kê các vụ án tòa án trả hồ sơ cho viện kiểm sát để điều tra bổ sung (từ năm 2012 đến năm 2016).....	43

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quá trình giải quyết một vụ án hình sự trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, trong đó giai đoạn xét xử đóng một vai trò đặc biệt quan trọng. Tại phiên tòa, tất cả những chứng cứ, tài liệu, đồ vật thu thập được trong giai đoạn điều tra, truy tố đều được đưa ra xem xét công khai thông qua việc xét hỏi và tranh luận. Trên cơ sở đó, Tòa án ra những phán quyết khách quan, toàn diện, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc xét xử công bằng, nghiêm minh góp phần bảo vệ chế độ, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể và của công dân; bảo vệ quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật liên có quan, thể hiện sự quan tâm coi trọng và cam kết của nhà nước về những giá trị quyền con người, quyền công dân. Đây là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân, góp phần đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Thông qua việc xét xử, đặc biệt là các phiên tòa công khai sẽ góp phần giáo dục công dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống, nâng cao ý thức đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như các vi phạm pháp luật khác. Tuy nhiên không phải trường hợp nào Tòa án cũng căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thu thập được để đưa ra xét xử mà qua giai đoạn chuẩn bị xét xử; qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa có nhiều trường hợp không thu thập được đầy đủ tài liệu chứng cứ để kết luận về tội phạm, người phạm tội hoặc quá trình điều tra, truy tố còn vi phạm quy định của pháp luật tố tụng hình sự hoặc có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác, có người đồng phạm khác. Do vậy, Tòa án với tư cách là cơ quan xét xử phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm khắc phục những tồn tại, thiếu sót trong giai đoạn điều tra, truy tố từ đó có căn cứ giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi nghiên cứu các quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thấy còn nhiều bất cập cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, cần thể hiện rõ chức năng của từng cơ quan tố tụng, từ đó nhận thức thống nhất khi áp dụng pháp luật, tránh trường hợp một hồ sơ vụ án hình sự bị trả đi trả lại nhiều lần ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án hình sự, vi phạm quyền của bị can, bị cáo, gây tốn kém chi phí tố tụng, ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Theo định hướng của Đảng và nhà nước, cần nâng cao chất lượng xét xử các loại án, đặc biệt là án hình sự được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược cải cách tư pháp. Để nâng cao chất lượng xét xử các vụ án hình sự thì việc áp dụng đúng đắn, chính xác và đầy đủ các quy định của luật tố tụng hình sự là một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu. Trong hoạt động tố tụng hình sự, việc Tòa án trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát để điều tra bổ sung khi có các căn cứ theo quy định Khoản 1 Điều 179 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 và Điều 280 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 là cần thiết đảm bảo cho việc xét xử thật sự khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 về nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị.

Để đáp ứng yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung các cơ quan tiến hành tố tụng phải tuân thủ trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Trong đó, kết quả hoạt động tố tụng của giai đoạn này là tiền đề cho giai đoạn sau, như: Giai đoạn khởi tố, điều tra làm cơ sở nền tảng cho giai đoạn truy tố; kết quả hoạt động của giai đoạn truy tố làm cơ sở cho giai đoạn xét xử. Tuy nhiên trong quá trình điều tra không phải lúc nào cũng đầy đủ và chính xác để Viện kiểm sát truy tố bị can trước tòa bằng bản cáo trạng. Cũng như không phải lúc nào Cáo trạng cũng đầy đủ và chính xác để Tòa án đưa vụ án

ra xét xử. Để đảm bảo việc xác định sự thật của vụ án, xét xử đúng người đúng tội, đúng pháp luật; pháp luật tố tụng hình sự còn quy định về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Việc quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung thể hiện tính chế ước và tính phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bên cạnh những ưu điểm đáng ghi nhận, thực tiễn hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án các cấp nói chung và Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nói riêng. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung cũng gặp không ít khó khăn gây phiền hà và kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Đơn vị Tòa án Phú Xuyên là đơn vị có số lượng giải quyết các vụ án không lớn so với các đơn vị trung tâm trong thành phố Hà Nội, nhưng so với toàn quốc là đơn vị có số án tương đối lớn, thời gian qua việc Tòa án trả hồ sơ là đúng và trúng, dẫn đến xét xử giải quyết vụ án là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh được sự oan, sai. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng quyền anh, quyền tôi dẫn đến việc Tòa án phải căn cứ Điều 196 BLTTHS để xét xử vụ án theo luật định. Vì vậy, việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn, trên cơ sở nhận thức đúng tầm quan trọng của việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, từ đó tìm ra nguyên nhân và kiến nghị một số giải pháp khắc phục tình trạng trên là một yêu cầu cấp thiết góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay, nhằm nâng cao chất lượng giải quyết án, đồng thời hạn chế thấp nhất số lượng việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, dựa vào các phân tích về ý nghĩa và tầm quan trọng của vấn đề cần nghiên cứu, tác giả chọn đề tài: *"Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội"* làm luận văn Thạc sỹ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Cho đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu về đề tài trả hồ sơ để điều tra bổ sung như: Luận văn Thạc sỹ luật “Trả hồ sơ để điều tra bổ

sung theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Bình Định của tác giả Nguyễn Văn Hải (Học viện Khoa học xã hội, năm 2014), Luận văn Thạc sỹ luật: “Trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hải Phòng” của tác giả Nguyễn Thị Thương Huyền (Học Viện khoa học xã hội, năm 2016) Tạp chí TAND số 5 tháng 3/2003 “Bàn về việc trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung” của tác giả Nguyễn Phúc Lưu; Tạp chí Kiểm sát số 11/2006; “Bàn về quy định Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong điều kiện cải cách tư pháp” của tác giả Mai Văn Lư; Tạp chí Kiểm sát số 11/2010, "Bàn về chế định Trả hồ sơ để điều tra bổ sung" của tác giả Nguyễn Quang Lộc; Tạp chí TAND số 8 tháng 4/2013 "Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về việc Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung" của tác giả Vũ Gia Lâm...

Trong các công trình trên, các tác giả đã đề cập đến các căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung, thủ tục trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc việc xem xét tính hợp lý và cần thiết của quy định trả hồ sơ điều tra bổ sung trong điều kiện xây dựng Nhà nước Pháp quyền, đáp ứng kịp thời yêu cầu cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 về nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Chính trị, đặc biệt là Bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã được Quốc hội thông qua “hiện đang tạm dừng để sửa đổi bổ sung”. Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện về hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm trên địa bàn huyện Phú Xuyên liên quan đến các quy định về trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đặc biệt liên quan đến Bộ luật tố tụng hình sự 2015, dẫn đến tình trạng hiểu và áp dụng pháp luật hình sự hiện hành và pháp luật tố tụng hình sự mới trong tương lai được thống nhất trong toàn quốc, đặc biệt là địa bàn huyện Phú Xuyên.

Từ việc áp dụng pháp luật tố tụng 2003 và áp dụng pháp luật tố tụng hình sự 2015, Tác giả mạnh dạn nghiên cứu đề tài này nhằm góp phần nâng

cao chất lượng trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nói riêng và hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án cấp sơ thẩm nói chung.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Qua nghiên cứu đề tài, tác giả đi sâu phân tích những nội dung và giải pháp nâng cao chất lượng trong việc ra các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo luật tố tụng hiện hành 2003 và luật tố tụng hình sự 2015, nhằm đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác áp dụng pháp luật và phối hợp trong giải quyết vụ án hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; kiến nghị các biện pháp để hạn chế trả hồ sơ điều tra bổ sung trong thời gian tới khi luật tố tụng hình sự 2015 có hiệu lực thi hành.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.

Để giải quyết mục đích nghiên cứu những vấn đề nêu trên, đề tài cần làm rõ vấn đề sau:

- Nghiên cứu làm rõ vấn đề lý luận về trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.
- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn trả hồ sơ để điều tra bổ sung của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội trong thời gian qua; làm sáng tỏ những hạn chế và các nguyên nhân dẫn đến việc Tòa án phải trả hồ sơ cũng như việc ban hành các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung đúng hoặc chưa đúng quy định của pháp luật.
- Phân tích và đề xuất những giải pháp nâng cao chất lượng trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của Tòa án.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là:

- Những vấn đề lý luận trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở

giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

- Thực trạng pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
- Thực tiễn trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Phạm vi, là một luận văn thạc sĩ, đề tài chỉ nghiên cứu những nội dung lý luận về vấn đề trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thực tiễn áp dụng quy định này của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội theo bộ luật tố tụng hình sự 2003 và có cập nhật quy định tương ứng của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Mốc thời gian nghiên cứu của đề tài là việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội trong những năm từ năm 2012 đến năm 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Cơ sở lý luận của việc nghiên cứu đề tài này là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, về cải cách tư pháp và bảo vệ quyền con người.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như: So sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê. Đồng thời, tác giả sử dụng những số liệu thống kê, tổng kết hàng năm của ngành TAND, tổng kết hàng năm của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội; nghiên cứu các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tổng hợp các tri thức khoa học pháp luật tố tụng hình sự và các vấn đề tương ứng được nghiên cứu trong luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Về mặt lý luận

- Luận văn nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề lý luận và quy định của pháp luật tố tụng hình sự 2003 và luật tố tụng hình sự 2015, phân tích những đặc điểm của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Toà án, đưa ra những tiêu chí, chất lượng của hoạt động này. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

6.2. Về mặt thực tiễn

Luận văn là công trình nghiên cứu về hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Những kết quả nghiên cứu phục vụ yêu cầu thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng trả hồ sơ để điều tra bổ sung của TAND trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Chương 2: Quy định của pháp luật và thực tiễn trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

Chương 3: Các giải pháp nâng cao chất lượng trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRẢ HỒ SƠ
ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ
SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa vai trò của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm

1.1.1. Khái niệm trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Là quá trình điều tra, truy tố và xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) thực hiện các thủ tục tố tụng nhằm điều tra làm rõ sự thật khách quan hành vi của người phạm tội, để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Trong đó, kết quả hoạt động tố tụng ở giai đoạn trước làm tiền đề, cơ sở cho hoạt động tố tụng của giai đoạn sau. Do đó, mỗi cơ quan tiến hành tố tụng đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn nhất định nhưng có mối quan hệ phối hợp, chế ước lẫn nhau trong quá trình giải quyết vụ án không bị chồng chéo, vụ án được giải quyết đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nhưng trong thực tiễn không phải ở giai đoạn tố tụng nào cũng điều tra, xem xét đánh giá chứng cứ chính xác, đầy đủ và đúng pháp luật. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung là quy định pháp lý do BLTTHS quy định để các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình tìm ra sự thật khách quan của vụ án, nhằm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh tình trạng oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Trong khoa học pháp lý ở Việt Nam hiện nay, chưa có khái niệm trả hồ sơ để điều tra bổ sung cụ thể. Điều 179 BLTTHS chỉ quy định căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Thẩm phán; Khoản 2 Điều 199 BLTTHS không quy định cụ thể các căn cứ để Hội đồng xét xử sơ thẩm trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung. Song nghiên cứu tổng thể các quy định của BLTTHS và qua thực tiễn áp dụng pháp luật có thể cho ta thấy Điều 179 BLTTHS cũng chính là căn cứ để Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Việc áp dụng các căn

cứ quy định tại điều 179 của Hội đồng xét xử là phù hợp với thực tế trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Qua các phân tích trên, tác giả đưa ra khái niệm *“Trả hồ sơ để điều tra bổ sung”* như sau: *“Trả hồ sơ để điều tra bổ sung là quá trình khắc phục, bổ sung làm rõ thêm những chứng cứ quan trọng còn thiếu, hoặc có vi phạm thủ tục tố tụng, nhằm tìm ra sự thật khách quan của vụ án, tránh bỏ lọt tội phạm cũng như làm oan người vô tội”*. Qua việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung là để các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đánh giá những nguyên nhân và tồn tại để kịp thời khắc phục, sửa chữa những tồn tại đó, mặt khác tích lũy được những kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử những vụ án hiện tại và các vụ án về sau được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tránh trả đi, trả lại nhiều lần dẫn đến tốn kém không cần thiết, cũng như làm mất uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam.

- *Khái niệm trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm*

Xét xử vụ án hình sự là giai đoạn cuối cùng, kết thúc một quá trình thu thập chứng cứ và đánh giá chứng cứ của các cơ quan tiến hành tố tụng, nhưng đánh giá chứng cứ ở giai đoạn xét xử là trung tâm và quan trọng nhất của hoạt động tố tụng hình sự, trong đó Tòa án có thẩm quyền căn cứ vào Điều 176 BLTTHS nghiên cứu hồ sơ; giải quyết các khiếu nại và yêu cầu của những người tham gia tố tụng, tiến hành những việc khác cần thiết cho việc mở phiên tòa trong thời hạn luật định, áp dụng các biện pháp chuẩn bị cho việc xét xử, như:

- Trả hồ sơ điều tra bổ sung để khắc phục, bổ sung và làm rõ thêm những chứng cứ quan trọng còn thiếu mà không thể bổ sung tại phiên tòa được, hoặc có đồng phạm khác, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nhằm tìm ra sự thật khách quan của vụ án, tránh bỏ lọt tội phạm cũng như làm oan người vô tội,

- Đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án

- *Đình chỉ vụ án*: Những vụ án về các tội phạm được quy định tại khoản 1 các điều 104, 105, 106, 108, 109, 111, 113, 121, 122 và 171 của Bộ luật hình sự chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết, trừ trường hợp cần tái thẩm đối với người khác.

- *Tạm đình chỉ vụ án*: Trong trường hợp Viện kiểm sát đã ra quyết định truy tố bị can và đã giao bản cáo trạng cho bị can nhưng chưa chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án mà nhận được thông tin về việc bị can bỏ trốn, thì Viện kiểm sát vẫn chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án để thụ lý, xét xử và thông báo cho Tòa án biết việc bị can đã bỏ trốn để Tòa án yêu cầu cơ quan điều tra truy nã bị can.

- Đưa vụ án hình sự ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm để xem xét về thực chất vụ án, đồng thời trên cơ sở kết quả tranh tụng công khai và dân chủ của hai bên (buộc tội và gỡ tội) ra phán xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi người tội phạm, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ từ đó ra bản án hình sự một cách công minh, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật,

Thời điểm của giai đoạn này được bắt đầu từ khi Tòa án nhận được hồ sơ vụ án hình sự (với quyết định truy tố bị can trước Tòa án kèm theo bản cáo trạng) do Viện kiểm sát chuyển sang và kết thúc bằng một bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Đề trước khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa; thành viên Hội đồng xét xử “các Hội thẩm” phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án hình sự. Hồ sơ vụ án hình sự là tập tài liệu bao gồm hệ thống các văn bản mà các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong quá trình điều tra, truy tố được sắp xếp theo một trình tự nhất định phục vụ cho giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Tòa án. Hồ sơ được hình thành từ khi có quyết định

khởi tố. Cơ quan điều tra thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội, hoàn tất hồ sơ chuyển cho Viện kiểm sát với đề nghị truy tố. Kết quả đúng đắn của hoạt động điều tra phục vụ cho việc truy tố và xét xử chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh tình trạng oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Như vậy, trước khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa; thành viên Hội đồng xét xử “các Hội thẩm” phải nghiên cứu và đánh giá toàn diện các chứng cứ trong hồ sơ vụ án hình sự, nếu thấy còn thiếu những chứng cứ quan trọng mà không thể bổ sung tại phiên tòa được; có căn cứ bị can còn có hành vi phạm tội khác hoặc có đồng phạm khác; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, có thể hiểu đây là quá trình khắc phục những thiếu sót trong quá trình điều tra hoặc có vi phạm về thủ tục tố tụng, để làm rõ những chứng cứ còn thiếu hoặc khắc phục vi phạm tố tụng. Khác với việc điều tra lại, điều tra lại là hoạt động điều tra theo trình tự thủ tục của BLTTHS do cơ quan điều tra tiến hành đối với các vụ án đã được xét xử nhưng bị tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm hủy bản án của Tòa án cấp dưới chưa có hiệu lực pháp luật hoặc đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại theo thủ tục chung. Khác với điều tra lại, hậu quả pháp lý của điều tra bổ sung là cơ quan bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải tiếp tục nhận lại hồ sơ vụ án và xem xét thực hiện yêu cầu điều tra bổ sung của cơ quan đã ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung.

Như vậy, “*Trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm là quá trình nghiên cứu hồ sơ của Thẩm phán làm chủ tọa phiên tòa hoặc của Hội đồng xét xử thông qua việc xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa phát hiện thấy thiếu những chứng cứ quan trọng, có đồng phạm khác, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà không thể khắc phục tại phiên tòa được cần phải trả hồ sơ để tìm ra sự thật khách quan của vụ án, có phán quyết chính xác, tránh bỏ lọt tội phạm cũng như làm oan người vô tội*”.

1.1.2. So sánh trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố và trong giai đoạn xét xử.

- Mục đích trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn truy tố là Viện kiểm sát sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự cùng với bản kết luận điều tra đề nghị truy tố do cơ quan điều tra hoặc cơ quan khác có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra gửi đến, trong trường hợp, hồ sơ vụ án còn thiếu những chứng cứ quan trọng; có tội phạm khác do bị can thực hiện hoặc có người đồng phạm khác chưa được khởi tố hoặc có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Mục đích của việc trả hồ sơ ở giai đoạn truy tố là khắc phục những thiếu sót trong quá trình điều tra, từ đó có đủ căn cứ truy tố một người có hành vi vi phạm pháp luật về một tội phạm cụ thể để truy tố trước Tòa án.

Mục đích trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử là quá trình nghiên cứu hồ sơ của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoặc của Hội đồng xét xử thông qua việc xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa phát hiện thấy thiếu những chứng cứ quan trọng, có đồng phạm khác, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng tố tụng mà không thể khắc phục và kết tội người có hành vi phạm tội tại phiên tòa được; để tìm ra sự thật khách quan của vụ án, tránh bỏ lọt tội phạm cũng như làm oan người vô tội thì Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa hoặc tại phiên tòa Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thảo luận và ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho cơ quan Viện kiểm sát khắc phục những thiếu sót về chứng cứ; vi phạm về điều tra hoặc vi phạm về thủ tục tố tụng, để vụ án được xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm cũng như làm oan người vô tội.

- Căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố là căn cứ vào quy định của BLTTHS khi thấy thiếu một trong ba chứng cứ sau: 1/ Phát hiện thấy còn thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà Viện kiểm sát không thể tự mình bổ sung được. Thông thường đó là những chứng cứ mà đòi hỏi phải sử dụng những phương tiện, biện pháp chuyên môn điều tra sâu mới có thể

thu thập được; 2/ Có căn cứ để khởi tố bị can về một tội phạm khác hoặc có người đồng phạm khác; 3/ Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình tiến hành các hoạt động điều tra thu thập, sử dụng chứng cứ để chứng minh.

- Đặc điểm chủ thể có thẩm quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn truy tố là Viện trưởng viện kiểm sát hoặc phó viện trưởng được ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu được cơ quan điều tra chấp hành.

- Căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử là căn cứ vào Điều 179 BLTTHS 1/ khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được; 2/ Khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác; 3/ Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Các căn cứ trên đã được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết số 04/2004/NQ- HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “xét xử sơ thẩm” của BLTTHS năm 2003 và tại Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC – BCA - TANDTC ngày 27/8/2010 của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Công An, Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung, để trước khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoặc tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy thiếu một trong các chứng cứ quan trọng được hướng dẫn trong luật định mà không thể bổ sung tại phiên tòa được thì Thẩm phán hoặc HĐXX ra quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung,

- Đặc điểm chủ thể có thẩm quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung là Thẩm phán; Hội đồng xét xử ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung, yêu cầu này có thể được chấp hành hoặc không chấp hành.

1.1.3. Ý nghĩa của việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

1.1.3.1. Ý nghĩa pháp lý

Với tính chất là một giai đoạn độc lập của hoạt động tố tụng hình sự, giai đoạn xét xử có chức năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do BLTTHS sự quy định để Tòa án áp dụng các biện pháp tố tụng cần thiết cho việc xét xử vụ án tại phiên tòa được đảm bảo chính xác, xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội; góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Xét xử là chức năng quan trọng nhất của Tòa án nói riêng và của toàn bộ quá trình tố tụng hình sự nói chung nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do theo luật định, để kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của toàn bộ các quyết định mà cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát đã thông qua trước khi chuyển vụ án hình sự sang Tòa án, nhằm loại trừ những hậu quả tiêu cực, các sơ xuất, sai lầm hoặc sự lạm dụng đã bị bỏ lọt trong các giai đoạn tố tụng hình sự trước đó (khởi tố, điều tra và truy tố), chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, hoặc trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc đình chỉ (hay tạm đình chỉ) vụ án;

Bằng việc xét xử sơ thẩm, thông qua quá trình điều tra trực tiếp tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng công khai và dân chủ của các bên, Tòa án với tính chất là cơ quan trọng tài kiểm tra lại và đánh giá một cách toàn diện, khách quan và đầy đủ các chứng cứ, các tình tiết của vụ án hình sự để giải quyết về bản chất nó - phán xét về vấn đề tính chất tội phạm của hành vi, có tội (hay không) của bị cáo, nhằm đạt mục đích trong toàn bộ các giai đoạn tố tụng hình sự là tuyên một bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật một cách công minh và đúng pháp luật, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục tránh bỏ lọt tội phạm và kết án oan người vô tội. Bảo vệ pháp chế, bảo vệ các

quyền tự do của công dân trong giai đoạn xét xử của Tòa án nói riêng và toàn bộ hoạt động tư pháp hình sự của Nhà nước nói chung, góp phần có hiệu quả vào cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm trong toàn xã hội, cùng với các giai đoạn tố tụng hình sự khác góp phần có hiệu quả vào cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm trong toàn xã hội./.

- Xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án;

Xem xét, kết luận về tính hợp pháp của các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do Luật sư, bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp;

Khi xét thấy cần thiết, trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát điều tra bổ sung; yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung tài liệu, chứng cứ hoặc Tòa án kiểm tra, xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự mới;

Yêu cầu Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người khác trình bày về các vấn đề có liên quan đến vụ án tại phiên tòa; khởi tố vụ án hình sự nếu phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm;

1.1.3.2. Ý nghĩa chính trị - xã hội

- *Ý nghĩa chức năng tố tụng*: Tòa án nhân dân có chức năng, nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Bằng hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác.

Tòa án nhân dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính và giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật;

xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình tố tụng; căn cứ vào kết quả tranh tụng ra bản án, quyết định việc có tội hoặc không có tội, áp dụng hoặc không áp dụng hình phạt, biện pháp tư pháp, quyết định về quyền và nghĩa vụ về tài sản, quyền nhân thân.

Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.

1.1.3.3. Ý nghĩa đấu tranh phòng chống tội phạm:

Điều 10 Bộ luật Hình sự năm 2003 quy định các cơ quan tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm chứng minh tội phạm, áp dụng mọi biện pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ để tìm ra sự thật của vụ án, có một quyết định hình phạt đúng người, đúng tội, đúng pháp luật mang tính răn đe và phòng ngừa chung.

Thông qua việc áp dụng hình phạt đối với các tội phạm bị phát hiện (thực hiện chức năng phòng ngừa riêng) hình phạt tự bản thân nó tiếp tục thực hiện và phát huy chức năng phòng ngừa chung đối với các tội phạm chưa bị phát hiện trong xã hội. Để thực hiện chức năng phòng ngừa tình hình tội phạm, hình phạt phải có khả năng răn đe, tác động và giảm thiểu các yếu tố thuộc về nguyên nhân và điều kiện phạm tội của tình hình tội phạm. Nếu hình phạt nhằm ứng phó với các tội phạm cụ thể đang xảy ra và có hướng tác động chiến lược trong tương lai, thì chức năng phòng ngừa tình hình tội phạm của hình phạt mới có hiệu quả cao nhất.

Quá trình áp dụng hình phạt, cần tính toán và ước lượng mức độ tác động của hình phạt được áp dụng tương ứng với các yếu tố nhân thân người phạm tội, bảo đảm tính cá thể hóa hình phạt sâu sắc với cá nhân người phạm tội, từ đó phát huy hết khả năng chống và phòng ngừa tội phạm của hình phạt.

Có thể thấy, việc thực hiện có hiệu quả chức năng phòng ngừa tình hình tội phạm là điều kiện làm gia tăng khả năng kiểm soát tội phạm trong xã hội. Tuy nhiên, hình phạt không phải là phương tiện, cách thức duy nhất để

đấu tranh với tình hình tội phạm cũng như phòng ngừa tình hình tội phạm không phải là chức năng riêng có của hình phạt. Bên cạnh việc sử dụng và áp dụng hình phạt, cần đi kèm với nó là hệ thống các biện pháp tác động cụ thể, các chính sách hình sự, chính sách phòng ngừa tình hình tội phạm ở các quy mô, chiến lược khác nhau và sự kết hợp giữa các yếu tố này yêu cầu phải bảo đảm sự hài hòa trong tổng thể chung của các biện pháp hình sự.

1.1.3.4. Ý nghĩa pháp lý bảo đảm quyền con người bằng pháp luật TTHS.

Quyền con người là một trong những quyền cơ bản của con người, được ghi tại Điều 8 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR) “Mọi người đều có quyền được các toà án quốc gia có thẩm quyền bảo vệ bằng các biện pháp hữu hiệu để chống lại những hành vi vi phạm các quyền cơ bản của họ mà đã được hiến pháp hay luật pháp quy định.” Như vậy, Quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật bằng cơ chế đảm bảo vật chất, chính trị, tư tưởng, pháp lý cho mỗi con người nói riêng và cho toàn xã hội nói chung bằng pháp luật. Trong đó có pháp luật hình sự.

Nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự Việt Nam được quy định rõ ràng gồm hai nhiệm vụ: Không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội. Luật TTHS trước hết là công cụ của nhà nước chống lại các hành vi tội phạm xâm hại đến lợi ích của xã hội bao gồm quyền con người. Chính vì vậy, không bỏ lọt tội phạm, xử lý nghiêm minh mọi hành vi tội phạm là nhiệm vụ quan trọng của pháp luật, trong đó có pháp luật TTHS Việt Nam.

Trong nhà nước pháp quyền, bảo vệ quyền con người luôn là nghĩa vụ của nhà nước. Tòa án muốn bảo vệ quyền con người phải bằng các quy định của luật tố tụng trong đó có luật tố tụng hình sự. Luật TTHS quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và tòa án nói riêng. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trước hết được thể hiện bằng đòi hỏi tuân thủ các nguyên tắc của tố tụng hình sự để bảo đảm bảo vệ quyền con người bằng tố tụng hình sự,

1.2. Khái quát lịch sử lập pháp tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

1.2.1. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự giai đoạn 1945 đến năm 1988

Trong giai đoạn từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 cho đến trước khi ban hành Hiến pháp 1959, đất nước ta đứng trước rất nhiều khó khăn thách thức, thù trong, giặc ngoài. Để xây dựng một chính quyền dân chủ của nhân dân, thì cùng với việc tổ chức các cơ quan nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký các sắc lệnh để bảo vệ quyền quyền tự do, dân chủ của công dân. Như Sắc lệnh số: 33c/SL ngày 13/9/1945 thành lập các Tòa án quân sự ở ba miền Bắc, Trung, Nam để xét xử tất cả các những người phạm vào tội xâm phạm đến nền độc lập của nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà. Giai đoạn này quy phạm pháp luật tố tụng hình sự về điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự chưa được hệ thống hóa vào một văn bản nhất định mà nằm rải rác trong các sắc lệnh, luật, Thông tư. Nhìn chung các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự ở giai đoạn này còn đơn giản, chung chung chưa cụ thể. Trong giai đoạn 1959 đến trước khi ban hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988. Hiến pháp năm 1959 quy định luật tổ chức Tòa án, luật tổ chức Viện kiểm sát năm 1960, lần đầu tiên chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng được xác định trong văn bản pháp luật, chức năng xét xử tách khỏi chức năng buộc tội, cơ quan công tố tách khỏi chính phủ. Chức năng Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật làm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, pháp chế dân chủ nhân dân được giữ vững. Mục đích của việc kiểm sát là bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân, trật tự xã hội, tài sản công cộng và những quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, góp phần bảo đảm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền bắc và sự nghiệp đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà được tiến hành thắng lợi.

Giai đoạn 1945 đến trước khi BLTTHS năm 1988 ra đời, các văn bản pháp luật trước đó quy định về thẩm quyền xét xử cũng như thủ tục xét xử tại

phiên toà sơ thẩm của Toà án nhưng không có quy định về việc Toà án cấp sơ thẩm trả hồ sơ cho Viện kiểm sát, vì “trước đây là Viện công tố”.

1.2.2. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự giai đoạn 1989 – 2003.

Trong giai đoạn này BLTTHS đầu tiên của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 28/6/1988 quy định trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự được thi hành. Bằng việc ban hành Bộ luật này, lần đầu tiên pháp luật TTHS được pháp điển hóa, tư tưởng về bảo đảm quyền con người trong luật TTHS và yêu cầu bảo đảm quyền con người được quy định một cách có hệ thống, khá toàn diện, cụ thể và chi tiết hơn. Bộ luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng và của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân, nhằm phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Bộ luật tố tụng hình sự quy định cơ chế giám sát và vận hành theo những nguyên tắc, những quy định của pháp luật và phương tiện pháp lý tác động làm cho hoạt động của cơ quan tư pháp theo đúng pháp luật, ngăn ngừa vi phạm, sự lạm dụng quyền hạn và các hành vi tiêu cực khác nhằm nâng cao trách nhiệm pháp lý của các cơ quan tiến hành tố tụng,

Giai đoạn này Quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Toà án cấp sơ thẩm được quy định lần đầu tiên tại Điều 154 và Điều 173 BLTTHS năm 1988. Tại Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 08/12/1988 “Hướng dẫn thi hành một số quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự”, tại mục 4 Phần I của Thông tư quy định: *“khi Tòa án trả hồ sơ để Viện Kiểm sát điều tra bổ sung, thì Tòa án xoá sổ thụ lý, Viện Kiểm sát ghi việc Tòa án trả hồ sơ vào sổ thụ lý của mình. Khi nhận lại hồ sơ, Tòa án thụ lý lại. Ngày chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát và ngày thụ lý lại cũng được đóng dấu (hoặc ghi) vào bìa hồ sơ”*.

Ngày 05/11/1996, liên ngành Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, Bộ nội vụ (nay là Bộ công an) thống nhất ra Thông báo số 61/KT- LN hướng dẫn về thời hạn điều tra bổ sung, tại điểm c khoản 5 Mục IV Thông báo quy định. “Trường hợp Toà án trả lại hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá một tháng. Nếu vụ án có bị can bị tạm giam nhưng đã hết thời hạn tạm giam thì Viện kiểm sát ra lệnh tạm giam tiếp 30 ngày. Việc điều tra bổ sung phải hoàn thành trong thời gian trên dù hồ sơ vụ án ở Cơ quan điều tra hoặc ở Viện kiểm sát”. Ngày 10/06/2002, TANDTC có hướng dẫn tại Công văn số 81/2002/TANDTC: “ Mặc dù trong phần xét xử sơ thẩm của BLTTHS không có điều luật quy định cụ thể việc Hội đồng xét xử quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung như quy định tại Điều 154 quy định thẩm quyền của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là tại phiên toà sơ thẩm, khi thấy có một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 154 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử không được ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 173 BLTTHS thì một trong các quyết định mà Hội đồng xét xử phải thảo luận và thông qua tại phòng nghị án, đó là quyết định yêu cầu điều tra bổ sung. Điều đó có nghĩa là tại phiên toà khi xét thấy có một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 154 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 173 Bộ luật Tố tụng hình sự để ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung”.

1.2.3. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung từ năm 2004

BLTTHS năm 2003 có hiệu lực thi hành từ 2004 và các văn bản tố tụng hình sự hiện hành đã quy định khá đầy đủ về việc Toà án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung cả về thẩm quyền, căn cứ, thời hạn, số lần và thủ tục trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, cụ thể:

Điều 179 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định các căn cứ để Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Đối chiếu với quy định tại Điều 154 BLTTHS năm 1988 thì quy định tại Điều 179 trong BLTTHS năm 2003 cơ bản không có gì thay đổi. Tại khoản 2 Điều 121 BLTTHS năm 2003 quy

định, Toà án chỉ được ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung không quá hai lần và theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05.11.2004 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “ Xét xử sơ thẩm ” của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, nếu phát hiện thấy vấn đề cần điều tra bổ sung, thì vẫn phải tiếp tục nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án để xem xét có vấn đề nào khác cần điều tra bổ sung hay không. Toà án chỉ ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần thứ hai trong trường hợp những vấn đề yêu cầu điều tra bổ sung trong quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần thứ nhất chưa được điều tra bổ sung hoặc tuy đã được điều tra bổ sung, nhưng chưa đạt yêu cầu hoặc từ kết quả điều tra bổ sung xét thấy cần điều tra bổ sung vấn đề mới. Nhằm hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, thi hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, tránh để vụ án bị trả đi, trả lại nhiều lần dẫn đến tốn kém không cần thiết, cũng như làm mất uy tín của cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam. Liên ngành, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ về điều tra bổ sung. Trong đó: “Chứng cứ quan trọng đối với vụ án” dùng để chứng minh một hoặc nhiều vấn đề quy định tại Điều 63 của BLTTHS và nếu thiếu chứng cứ này thì không thể giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật. Chứng cứ quan trọng đối với vụ án bao gồm: Chứng cứ để chứng minh “có hành vi phạm tội xảy ra hay không”; Chứng cứ để chứng minh “thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội”; Chứng cứ để chứng minh “Ai là người thực hiện hành vi phạm tội”... Viện Kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án nếu Viện Kiểm sát không thể tự mình bổ sung được; Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử), Hội đồng xét xử (tại phiên tòa) ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng mà xét

thấy không thể bổ sung tại phiên tòa được. Không trả hồ sơ nếu là chứng cứ quan trọng nhưng nếu thiếu cũng truy tố, xét xử được.

Cụm từ “Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” quy định tại khoản 3 Điều 168 và Điểm c Khoản 1 Điều 179 của BLTTHS được giải thích là trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án. Những trường hợp được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 4 của Thông tư liên tịch. Viện Kiểm sát, Tòa án không trả hồ sơ để điều tra bổ sung mặc dù “có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” khi có vi phạm thủ tục tố tụng, nhưng không xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc bị can (bị cáo) là người chưa thành niên trong giai đoạn điều tra nhưng đến khi truy tố, xét xử bị can (bị cáo) đã đủ 18 tuổi.

Trả hồ sơ điều tra bổ sung là biện pháp tố tụng do Viện kiểm sát hoặc Tòa án áp dụng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, nhằm đảm bảo việc điều tra, truy tố sau khi đã kết luận điều tra vụ án, trước khi có cáo trạng. Luật không quy định về thời hạn để Viện kiểm sát trả hồ sơ điều tra bổ sung trong thời hạn quyết định truy tố hay cả trong thời hạn gia hạn thời hạn truy tố. Việc trả hồ sơ điều tra bổ sung được thực hiện bằng quyết định trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung của Viện kiểm sát.

Như vậy, quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong luật TTHS là mong muốn đặt mục tiêu tìm đến chân lý khách quan của sự việc. Mục tiêu xuyên suốt của luật TTHS giai đoạn này hay giai đoạn khác của luật TTHS nước ta là tìm ra sự thật, tìm đến chân lý khách quan của sự việc. Mục tiêu này chi phối mọi trình tự, thủ tục, cũng như thẩm quyền của các chủ thể trong luật TTHS. Cách thức để đạt được mục tiêu này là pháp luật trao trọn vẹn trách nhiệm tìm kiếm chứng cứ, xác định sự thật của vụ án cho các cơ quan

tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Cũng xuất phát từ mục tiêu này, trong luật TTHS Việt Nam không tồn tại quy định “tuỳ nghi truy tố” hay “mặc cả thú tội” như trong mô hình luật TTHS tranh tụng. Việc phát hiện và xử lý tội phạm mang tính bắt buộc.

Kết luận chương 1

Quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung được quy định trong BLTTHS Việt Nam xuất phát từ nguyên tắc xác định sự thật của vụ án đây là nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình tố tụng ở tất cả các giai đoạn. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân là một quy định của áp dụng pháp luật nói chung nhằm xác định sự thật vụ án một cách khách quan toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định tội phạm, những tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Đồng thời còn có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết các biện pháp tư pháp, giải quyết các vấn đề trách nhiệm dân sự và những vấn đề khác có liên quan. Bởi lẽ trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, bị can, bị cáo có quyền nhưng không có nghĩa vụ chứng minh mình là vô tội. Tòa án chỉ có thể xét xử đúng người, đúng tội đúng pháp luật nếu trong giai đoạn điều tra đã thu thập đầy đủ chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN TRẢ HỒ SƠ ĐIỀU TRA BỔ SUNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Quy định về trả hồ sơ điều tra bổ sung theo pháp luật hiện hành.

2.1.1. Quy định về trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét xử

2.1.1.1. Căn cứ để Thẩm phán trả hồ sơ để điều tra bổ sung:

Căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung được quy định tại Điều 179 BLTTHS năm 2003. Đối chiếu với quy định tại Điều 154 BLTTHS năm 1988 thì quy định tại Điều 179 trong BLTTHS năm 2003 cơ bản không có gì thay đổi.

Điều 179 BLTTHS năm 2003 quy định: “*Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.*

1. Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung trong các trường hợp sau đây:

a. Khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên toà được;

b. Khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác.

c. Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Những vấn đề cần điều tra bổ sung phải được nêu rõ trong quyết định yêu cầu điều tra bổ sung.

2. Nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn tới việc đình chỉ vụ án thì Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ vụ án và thông báo cho Toà án biết.

Trong trường hợp Viện kiểm sát không bổ sung được những vấn đề mà Toà án yêu cầu bổ sung và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án”.

Theo quy định trên, những căn cứ để Thẩm phán Toà án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung bao gồm: 1/ Khi cần xem xét thêm những chứng

cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên toà được; 2/ Khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác hoặc 3/ phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Các căn cứ trên đã được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết số 04/2004/NQ- HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba “xét xử sơ thẩm” của BLTTHS năm 2003 và tại Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Công An, Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung

2.1.1.2. Về thẩm quyền ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung:

Thẩm quyền ra quyết định (yêu cầu) trả hồ sơ để điều tra bổ sung được quy định tại Điều 39, Điều 176 và Điều 199 của BLTTHS năm 2003.

Khoản 2, Điều 39 BLTTHS năm 2003 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán

“Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên toà ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại khoản 1 Điều này còn có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

b) Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung”.

Điều 176 BLTTHS năm 2003 quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Khoản 2 của Điều luật quy định:

“Trong thời hạn ba mươi ngày đối với tội phạm ít nghiêm trọng, bốn mươi lăm ngày đối với tội phạm nghiêm trọng, hai tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng, ba tháng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, kể từ ngày nhận hồ sơ vụ án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên toà phải ra một trong các quyết định sau đây:

b. Trả hồ sơ để điều tra bổ sung”.

Theo các quy định trên, thẩm quyền ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Toà án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

thuộc về Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa. Thẩm phán nghiên cứu hồ sơ thấy cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được; khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác hoặc khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng Thẩm phán ra “Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung” cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung yêu cầu được ghi trong quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

2.1.1.3. Phạm vi, giới hạn trả hồ sơ để điều tra bổ sung:

- Phạm vi trả hồ sơ để điều tra bổ sung là thiếu những chứng cứ quan trọng đối với vụ án. Theo hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư liên tịch số 01/2010 “Chứng cứ quan trọng đối với vụ án” quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 179 BLTTHS là chứng cứ quy định tại Điều 64 của BLTTHS dùng để chứng minh một hoặc nhiều vấn đề quy định tại Điều 63 của BLTTHS và nếu thiếu chứng cứ này thì không thể giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật, là thiếu chứng cứ quan trọng sau:

+ Chứng cứ để chứng minh “có hành vi phạm tội xảy ra hay không” là chứng cứ để xác định hành vi xảy ra đó có đủ yếu tố của cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật Hình sự hay thuộc các trường hợp không phải là hành vi phạm tội (phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ, quan hệ dân sự, kinh tế, vi phạm hành chính...).

+ Chứng cứ để chứng minh “thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội” là chứng cứ xác định nếu có hành vi phạm tội xảy ra thì xảy ra vào thời gian nào, ở đâu; phương pháp, thủ đoạn, công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm như thế nào;

+ Chứng cứ để chứng minh “Ai là người thực hiện hành vi phạm tội” là chứng cứ xác định một con người cụ thể đã thực hiện hành vi phạm tội đó;

+ Chứng cứ để chứng minh “có lỗi hay không có lỗi” là chứng cứ xác định người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có lỗi hay không có lỗi; nếu có lỗi thì thuộc trường hợp lỗi cố ý (lỗi cố ý trực tiếp hay lỗi cố ý gián

tiếp) hoặc lỗi vô ý (lỗi vô ý do quá tự tin hay lỗi vô ý do cầu thả) theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Bộ luật hình sự;

+ Chứng cứ để chứng minh “có năng lực trách nhiệm hình sự hay không” là chứng cứ xác định khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự hay chưa; có mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình hay không và nếu có thì mắc bệnh đó vào thời gian nào, trong giai đoạn tố tụng nào;

+ Chứng cứ để chứng minh “mục đích, động cơ phạm tội” là chứng cứ xác định người thực hiện hành vi phạm tội với mục đích, động cơ gì và trong trường hợp mục đích, động cơ phạm tội là yếu tố tăng nặng trách nhiệm hình sự hoặc là yếu tố (tình tiết) của cấu thành tội phạm hoặc là yếu tố (tình tiết) định khung hình phạt;

+ Chứng cứ để chứng minh tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo là chứng cứ xác định bị can, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 46 của Bộ luật hình sự; có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự hoặc là chứng cứ xác định tình tiết định khung hình phạt;

+ Chứng cứ để chứng minh những đặc điểm về nhân thân của bị can, bị cáo là chứng cứ xác định lý lịch tư pháp của bị can, bị cáo;

+ Chứng cứ để chứng minh “tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra” là chứng cứ để đánh giá tính chất, hậu quả (vật chất và phi vật chất) của hành vi phạm tội trong việc xác định tội phạm và quyết định hình phạt;

+ Chứng cứ khác để chứng minh một hoặc nhiều vấn đề quy định tại Điều 63 của BLTTHS mà thiếu chứng cứ đó thì không có đủ căn cứ để giải quyết vụ án, như: Chứng cứ để xác định chính xác tuổi của bị can, bị cáo là người chưa thành niên hoặc xác định chính xác tuổi của người bị hại là trẻ em; chứng cứ để chứng minh vị trí, vai trò của từng bị can, bị cáo trong

trường hợp đồng phạm hoặc phạm tội có tổ chức...

- *Điều kiện để trả hồ sơ điều tra bổ sung khi thiếu chứng cứ quan trọng đối với vụ án:* Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử), ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án được hướng dẫn ở trên mà xét thấy không thể bổ sung tại phiên tòa được; Ví dụ 1: Vụ án cố ý gây thương tích dẫn đến chết người nhưng chứng cứ không thể hiện khoảng cách giữa bị cáo đến người bị hại là bao nhiêu mét; phương pháp, thủ đoạn, công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm như thế nào, chứng cứ này không thể bổ sung tại phiên tòa được; chứng cứ rất quan trọng cho việc xác định tội danh người phạm tội “cố ý gây thương tích dẫn đến chết người” hay tội “giết người”.

Không trả hồ sơ nếu là chứng cứ quan trọng nhưng nếu thiếu cũng truy tố, xét xử được hoặc không thể thu thập được. VD: Vụ án có 02 người làm chứng, bị cáo đã nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của một nhân chứng, tuy nhiên nhân chứng thứ 2 không biết địa chỉ ở do vậy không có lời khai, do vậy không cần phải trả hồ sơ để yêu cầu điều tra địa chỉ của nhân chứng và lấy lời khai.

- *Phạm vi trả hồ sơ điều tra bổ sung cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác:*

Theo hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2010, “Có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác” quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 179 của BLTTHS khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Viện kiểm sát truy tố về một hay nhiều tội, nhưng chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị can (bị cáo) đã thực hiện cấu thành một hay nhiều tội khác;
- + Ngoài tội phạm đã bị truy tố, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy còn có căn cứ để khởi tố bị can (bị cáo) về một hay nhiều tội khác;
- + Ngoài bị can (bị cáo) đã bị truy tố, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho

thấy còn có người đồng phạm khác hoặc có người phạm tội khác liên quan đến vụ án, nhưng chưa được khởi tố bị can.

- Tòa án không trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã có quyết định tách vụ án hoặc chưa có quyết định tách vụ án của Cơ quan điều tra nhưng có căn cứ để tách vụ án theo quy định tại Khoản 2 Điều 117 của BLTTHS.

+ Trường hợp Viện kiểm sát truy tố về một hay nhiều tội, nhưng chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị can (bị cáo) đã thực hiện cấu thành một hay nhiều tội khác, nhưng chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy có thể xét xử bị can (bị cáo) về một hay nhiều tội tương ứng bằng hay nhẹ hơn hoặc có thể xét xử bị can (bị cáo) ít tội hơn số tội mà Viện kiểm sát truy tố.

Tội tương ứng bằng hoặc nhẹ hơn tội Viện kiểm sát đã truy tố được hướng dẫn tại tiểu mục 2.2, Mục 2, Phần II Nghị quyết số 04/2004, được xác định như sau:

+ Tội khác bằng tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố là trường hợp điều luật quy định về trách nhiệm hình sự (hình phạt chính, hình phạt bổ sung) đối với hai tội như nhau.

Ví dụ: Bị cáo C bị Viện kiểm sát truy tố về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy", Tòa án có thể xét xử bị cáo C về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

+ Tội khác nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố là trường hợp điều luật quy định về trách nhiệm hình sự (hình phạt chính, hình phạt bổ sung) đối với tội khác nhẹ hơn so với tội mà Viện kiểm sát đã truy tố. Để xác định tội nào nhẹ hơn, tội nào nặng hơn thì cần thực hiện theo thứ tự như sau:

Trước hết xem xét hình phạt chính đối với hai tội phạm, nếu tội nào điều luật có quy định loại hình phạt nặng nhất nặng hơn thì tội đó nặng hơn.

Ví dụ: Đối với tội cố ý gây thương tích (Điều 104 của Bộ luật Hình sự), điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất là tù chung thân, còn đối với tội giết người (Điều 93 của Bộ luật Hình sự), điều luật quy định loại hình phạt

nặng nhất là tử hình; do đó, tội giết người nặng hơn tội cố ý gây thương tích.

Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội là tù có thời hạn (không quy định hình phạt tử hình, hình phạt tù chung thân) thì tội nào, điều luật quy định mức hình phạt tù cao nhất đối với tội ấy cao hơn là tội đó nặng hơn.

Ví dụ: Đối với tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 97 của Bộ luật Hình sự), điều luật quy định mức hình phạt tù cao nhất là mười lăm năm, còn đối với tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính (Điều 99 của Bộ luật Hình sự), điều luật quy định mức hình phạt tù cao nhất là mười hai năm; do đó, tội làm chết người trong khi thi hành công vụ nặng hơn tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính.

Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội đều tử hình hoặc đều tù chung thân hoặc đều tù có thời hạn và mức hình phạt tù cao nhất đối với cả hai tội như nhau, thì tội nào điều luật quy định mức hình phạt tù khởi điểm cao hơn là tội đó nặng hơn.

Trong trường hợp điều luật quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội đều là tù có thời hạn và mức hình phạt tù khởi điểm, mức hình phạt tù cao nhất như nhau, thì tội nào điều luật còn quy định loại hình phạt chính khác nhẹ hơn (cải tạo không giam giữ, phạt tiền, cảnh cáo) thì tội đó nhẹ hơn. Nếu điều luật cùng quy định các loại hình phạt như nhau, nhưng có mức cao nhất, mức khởi điểm khác nhau thì việc xác định tội nặng hơn, tội nhẹ hơn được thực hiện tương tự.

Trong trường hợp điều luật quy định các loại hình phạt chính đối với cả hai tội như nhau, thì tội nào điều luật còn quy định hình phạt bổ sung là tội đó nặng hơn. Nếu điều luật cùng quy định hình phạt bổ sung như nhau, nhưng đối với tội này thì hình phạt bổ sung là bắt buộc, còn đối với tội khác hình phạt bổ sung có thể áp dụng, thì tội nào điều luật quy định hình phạt bổ sung bắt buộc là tội đó nặng hơn.

- Phạm vi trả hồ sơ điều tra bổ sung có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

Theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2010, “Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 179 của BLTTHS là trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án. Những trường hợp sau đây được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hình sự:

- + Lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra và cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra mà theo quy định của BLTTHS phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát, nhưng đã không có phê chuẩn của Viện kiểm sát hoặc việc ký lệnh, quyết định tố tụng không đúng thẩm quyền;

- + Không yêu cầu cử người bào chữa cho bị can, bị cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 của BLTTHS;

- + Xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

- + Khởi tố vụ án hình sự nhưng không có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại theo quy định tại Khoản 1 Điều 105 của BLTTHS;

- + Nhập vụ án hoặc tách vụ án không có căn cứ và trái với quy định tại Điều 117 của BLTTHS;

- + Không giao các lệnh, quyết định tố tụng cho bị can, bị cáo theo đúng quy định của pháp luật xâm phạm đến quyền bào chữa của bị can, bị cáo;

- + Chưa điều tra, lập lý lịch của bị can; chưa xác định được những đặc điểm quan trọng về nhân thân của người có hành vi phạm tội (tuổi, tiền án, tiền sự của bị can, bị cáo);

- + Không có người phiên dịch cho người tham gia tố tụng trong trường

hợp họ không sử dụng được tiếng Việt hoặc họ là người câm, điếc theo quy định tại Điều 61 của BLTTHS;

- + Không từ chối tiến hành tố tụng hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng trong các trường hợp quy định tại Điều 42, Điều 60 và Điều 61 của BLTTHS;

- + Việc điều tra, thu thập chứng cứ quan trọng đối với vụ án không đúng trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS nên không có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự;

- + Chứng cứ, tài liệu quan trọng đối với vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố nhưng không đưa vào hồ sơ vụ án hoặc bị sửa chữa, thêm bớt làm sai lệch hồ sơ vụ án;

- + Việc điều tra, truy tố không đúng thẩm quyền, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền phân công điều tra vụ án cụ thể;

- + Có căn cứ để xác định có việc mớm cung, bức cung, nhục hình trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự làm cho lời khai của bị can không đúng sự thật;

- + Khiếu nại, tố cáo của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không được giải quyết theo đúng quy định của pháp luật đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích của họ;

- + Những trường hợp khác được xác định đã xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hoặc làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan và toàn diện của vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định, nhưng phải ghi rõ trong quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- *Tòa án không trả hồ sơ để điều tra bổ sung mặc dù “có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

- + Có vi phạm thủ tục tố tụng, nhưng không xâm hại nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng;

- + Bị can (bị cáo) là người chưa thành niên trong giai đoạn điều tra

nhưng đến khi truy tố, xét xử bị can (bị cáo) đã đủ 18 tuổi.

Qua nghiên cứu pháp luật hiện hành về trả hồ sơ để điều tra bổ sung chúng tôi cho rằng các quy định này khá cụ thể, đầy đủ và phù hợp. Tuy nhiên, so với thực tiễn áp dụng pháp luật, những quy định trên đặc biệt là những quy định về việc Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong BLTTHS vẫn bộc lộ một số hạn chế, bất cập, gây không ít khó khăn cho việc nhận thức đúng đắn và áp dụng thống nhất pháp luật, cụ thể:

2.1.1.4. Thời hạn và số lần điều tra bổ sung:

Quy định tại Điều 121 BLTTHS năm 2003. Khoản 2 Điều luật này quy định: *“Trong trường hợp vụ án do Viện kiểm sát trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá hai tháng; nếu do Tòa án trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá một tháng. Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung không quá hai lần. Thời hạn điều tra bổ sung tính từ ngày Cơ quan điều tra nhận lại hồ sơ vụ án và yêu cầu điều tra”*. Thời hạn trên được hướng dẫn cụ thể tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 01/2010: *“Thời hạn điều tra bổ sung được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 121 của BLTTHS; cụ thể là thời hạn do Viện kiểm sát trả hồ sơ không quá hai tháng; do Tòa án trả hồ sơ không quá một tháng tính từ ngày Cơ quan điều tra nhận lại hồ sơ vụ án và quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung đến khi Cơ quan điều tra có bản kết luận điều tra bổ sung”*.

Như vậy, thời hạn để điều tra bổ sung do Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ là không quá một tháng và số lần Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung là không quá hai lần là chưa phù hợp, vì:

- Thời hạn điều tra bổ sung do Tòa án trả: Trả hồ sơ về trường hợp bị can phạm tội mới hoặc có đồng phạm khác (tội mới là tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng “không thể tách vụ án theo khoản 2 Điều 117”, thì thời hạn điều tra là 4 tháng theo Điều 119 BLTTHS) thì thời gian một tháng khó có thể kết thúc và hoàn thiện hồ sơ vụ án để chuyển lại cho tòa án.

Về số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung:

Khoản 2 Điều 121 BLTTHS quy định “*Toà án chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung không quá hai lần*”. Quy định về số lần Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung như trên là chưa chặt chẽ, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong thực tiễn. Cụ thể:

Quan điểm thứ nhất cho rằng Điều 176 và Điều 199 BLTTHS quy định về quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong hai giai đoạn khác nhau của quá trình giải quyết một vụ án hình sự nên quy định về số lần Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại Khoản 2 Điều 121 BLTTHS chỉ áp dụng đối với quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án (trong thời hạn chuẩn bị xét xử) còn đối với yêu cầu điều tra bổ sung tại phiên tòa là do HĐXX sơ thẩm quyết định nên không hạn chế về số lần quyết định yêu cầu điều tra bổ sung. Vì vậy, đã có không ít vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung hai lần nhưng khi xét xử sơ thẩm, HĐXX lại tiếp tục ra quyết định yêu cầu điều tra bổ sung.

Quan điểm thứ hai cho rằng quy định về số lần Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại Khoản 2 Điều 121 BLTTHS là áp dụng cho Toà án cấp sơ thẩm trong suốt cả quá trình giải quyết vụ án hình sự. Nghĩa là trong cả quá trình giải quyết một vụ án hình sự, Toà án cấp sơ thẩm chỉ được ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung không quá hai lần và quy định này đã bao hàm cả đối với Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trước khi xét xử và Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung tại phiên tòa.

Do có nhiều quan điểm về số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vì vậy cần có một quy định thống nhất về số lần Toà án cấp sơ thẩm được trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Theo quan điểm của tác giả quy định trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần, Hội đồng xét xử chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần phù hợp, tuy nhiên, cần phải

cụ thể Điều 32 về luật “Trách nhiệm bồi thường của Toà án nhân dân trong hoạt động tố tụng hình sự ...” Trường hợp Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung về phần mà dẫn đến việc oan, sai cho Viện kiểm sát nhưng Viện kiểm sát không yêu cầu cơ quan điều tra làm rõ thì Viện kiểm sát phải chịu trách nhiệm trước nhà nước và phải bồi thường oan, sai; trường hợp Viện kiểm sát đã trả cho cơ quan điều tra nhưng cơ quan điều tra không điều tra làm rõ thì cơ quan điều tra phải chịu trách nhiệm trước nhà nước và phải bồi thường oan sai. Quy định này là bắt buộc các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng ở mọi giai đoạn phải nỗ lực điều tra, khám phá, tìm ra sự thật khách quan, toàn diện của vụ án, tránh được việc cả nể, đùn đẩy trách nhiệm như một số vụ án oan sai thực tế đã xảy ra.

Về thời hạn điều tra bổ sung:

Khoản 2 Điều 121 BLTTHS quy định trong trường hợp vụ án do Tòa án trả lại để điều tra bổ sung thì “*thời hạn điều tra bổ sung không quá một tháng*”. Thời hạn này “*tính từ ngày Cơ quan điều tra nhận lại hồ sơ vụ án và yêu cầu điều tra*”. Tuy nhiên BLTTHS chưa quy định thời hạn mà VKS phải chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra sau khi đã nhận lại hồ sơ từ Tòa án để điều tra bổ sung mà VKS không tự mình điều tra bổ sung được.

Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2010 quy định “*sau khi nhận được hồ sơ vụ án và quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án, nếu thấy quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án có căn cứ mà không thể tự mình bổ sung được thì Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và chuyển ngay hồ sơ cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra*”. Tuy nhiên Thông tư liên tịch trên cũng không quy định “ngay” là thời gian bao lâu. Việc quy định chưa chặt chẽ như vậy đã tạo kẽ hở pháp luật dẫn đến một số vụ án, sau khi Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, việc giải quyết vụ án đã kéo dài vô thời hạn, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng, làm giảm đi tính nghiêm minh của pháp luật hình sự.

Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng pháp luật, các quy định của pháp luật

liên quan đến việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự cũng đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế về thẩm quyền ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung; về căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung; về số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung và về thời hạn điều tra bổ sung. Để khắc phục những hạn chế trên, nhằm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã kế thừa các quy định về trả hồ sơ điều tra bổ sung trong BLTTHS năm 1988 (Khoản 2 Điều 98 Điều 143a; Điều 154; Khoản 2 Điều 173) Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành (điểm g khoản 2, khoản 3 điều 36, điểm b khoản 2 điều 39, khoản 2 điều 121; điều 168 điểm b khoản 2 điều 176 điều 179 khoản 2 điều 199) và Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC- BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

2.1.2 Căn cứ để Hội đồng xét xử ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại phiên tòa.

Điều 199 BLTTHS năm 2003 quy định về việc ra các bản án và các quyết định của Tòa án. Khoản 2 của Điều luật quy định: “*Quyết định về việc thay đổi thành viên của Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, người giám định, người phiên dịch, chuyển vụ án, yêu cầu điều tra bổ sung, tạm đình hoặc đình chỉ vụ án và việc bắt giam hoặc trả tự do cho bị cáo phải được thảo luận và thông qua tại phòng nghị án và phải được lập thành văn bản*”.

- Căn cứ để Hội đồng xét xử trả hồ sơ tại phiên tòa được quy định tại Điều 179 BLTTHS năm 2003. Đối chiếu với quy định tại Điều 154 BLTTHS năm 1988 thì quy định tại Điều 179 trong BLTTHS năm 2003 cơ bản không có gì thay đổi với căn cứ trả hồ sơ của Thẩm phán. Tuy nhiên chỉ khác về số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung được quy định tại câu 19 Công văn số 81/2002, ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp các vấn đề về nghiệp vụ.

“19. Tại phiên toà trong phần xét hỏi thấy có những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên toà được, thì Hội đồng xét xử có quyền quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung không ? Nếu được thì đối với quyết định đưa vụ án ra xét xử trước đó được giải quyết như thế nào ?”

Mặc dù trong phần xét xử sơ thẩm của Bộ luật tố tụng hình sự không có Điều luật quy định cụ thể về việc Hội đồng xét xử quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung như Điều 154 quy định thẩm quyền của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là tại phiên toà sơ thẩm, khi thấy có một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 154 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử không được ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật tố tụng hình sự thì một trong các quyết định mà Hội đồng xét xử phải thảo luận và thông qua tại phòng nghị án, đó là quyết định yêu cầu điều tra bổ sung. Điều đó có nghĩa là tại phiên toà khi xét thấy có một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 154 Bộ luật tố tụng hình sự thì Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 173 Bộ luật tố tụng hình sự để ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Đến nay, chưa có văn bản nào hướng dẫn Hội đồng xét xử được trả mấy lần, qua kinh nghiệm xét xử thì không giới hạn số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử.

Về thủ tục ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung:

Thủ tục ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Toà án cấp sơ thẩm được hướng dẫn tại Mục 4 phần 1 Nghị quyết số 04/2004 và các Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2010. Theo các quy định trên việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự được tiến hành như sau:

- Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên toà ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung trong thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Khoản 2 Điều 176 của BLTTHS. Hội đồng xét xử ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 199 của

BLTTHS.

- Để không trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần, Tòa án phải nghiên cứu toàn diện hồ sơ vụ án để phát hiện các trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung và phải kịp thời ra quyết định, không được để hết thời hạn quyết định truy tố hoặc hết thời hạn chuẩn bị xét xử mới ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải ra quyết định bằng văn bản và do người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ký. Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải theo đúng mẫu 04a (dùng cho Thẩm phán), Quyết định yêu cầu điều tra bổ sung phải theo đúng mẫu 05a (dùng cho HĐXX sơ thẩm) ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004. Trong quyết định phải ghi số, ngày, tháng, năm và lần trả hồ sơ (thứ nhất hoặc thứ hai). Trong phần nội dung phải ghi cụ thể “những chứng cứ quan trọng đối với vụ án” cần phải điều tra bổ sung, “tội phạm khác hoặc người đồng phạm khác” phải khởi tố, truy tố hoặc “những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” cần được khắc phục và nêu rõ căn cứ pháp luật quy định tại một trong các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 179 của BLTTHS. Không được nêu kết quả điều tra bổ sung có ý nghĩa như thế nào đối với việc giải quyết vụ án.

- Trong trường hợp tiếp tục phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung, thì trong Quyết định phải nêu rõ những vấn đề yêu cầu điều tra bổ sung lần trước chưa được điều tra bổ sung hoặc đã điều tra bổ sung nhưng chưa đạt yêu cầu hoặc từ kết quả điều tra bổ sung làm phát sinh vấn đề mới cần điều tra.

- Sau khi nhận được hồ sơ vụ án và quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án, nếu thấy quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án có căn cứ mà không thể tự mình bổ sung được thì Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và chuyển ngay hồ sơ cho Cơ quan điều tra để tiến hành điều tra; nếu thấy quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án không có căn cứ theo quy định tại Điều 179 BLTTHS và hướng dẫn tại các điều 1, 3 và 4 Thông tư liên tịch số 01/2010 thì Viện kiểm sát có văn bản nêu

rõ lý do giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển lại hồ sơ cho Tòa án để đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Khoản 2 Điều 179 của BLTTHS.

- Sau khi kết thúc điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra phải có bản kết luận điều tra bổ sung, trong đó kết luận rõ đối với từng vấn đề điều tra bổ sung và quan điểm giải quyết vụ án. Nếu kết quả điều tra bổ sung dẫn đến đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định đình chỉ theo thẩm quyền quy định tại Điều 164 và Điều 169 của BLTTHS và thông báo cho Tòa án biết.

Nếu kết quả điều tra bổ sung không làm thay đổi quyết định truy tố thì Viện kiểm sát có văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển lại hồ sơ cho Tòa án; nếu kết quả điều tra bổ sung làm thay đổi quyết định truy tố thì Viện kiểm sát ban hành cáo trạng mới thay thế cáo trạng cũ và chuyển hồ sơ đến Tòa án để xét xử.

2.1.3. Những điểm mới cơ bản về trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiếp tục quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại điểm m khoản 2 Điều 41; điểm b khoản 2 điều 45, khoản 2 điều 174; khoản 5 điều 236; điều 245; điều 246; điều 280 trong đó quy định.

- Thứ nhất về số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Bộ luật TTHS 2015 quy định: *“Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần và Hội đồng xét xử chỉ được trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần”*(Khoản 2 Điều 174). Như vậy đã giới hạn cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần và tại phiên tòa Tòa án có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung một lần. Quy định này thể hiện sự chặt chẽ hơn, tránh sự tùy tiện, lạm dụng việc trả hồ sơ để kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Theo quy định hiện hành thì Tòa án có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung hai lần điều đó có nghĩa là cả hai lần trả hồ sơ, Tòa án có thể quyết định trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc tại phiên tòa. Quy định này còn thể hiện sự phù hợp với nguyên tắc đảm bảo tranh tụng trong xét xử theo

tinh thần của nghị quyết số 49 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Rõ ràng, theo quy định của pháp luật hiện hành, nếu như Tòa án trả hồ sơ hai lần trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thì kết quả điều tra công khai tại phiên tòa sẽ không có ý nghĩa với việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì tòa án đã hết số lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung, quy định mới này trong Bộ luật TTHS năm 2015 đã khắc phục được bất cập nêu trên góp phần đảm bảo tốt hơn nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa.

- Thứ hai, về căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung, theo Khoản 1 Điều 280 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định gồm có bốn căn cứ. Về số lượng thì nhiều hơn một căn cứ so với Bộ luật TTHS năm 2003 hiện hành. Điểm c Khoản 1 Điều 245 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Như vậy so với quy định của bộ luật TTHS hiện hành thì các nhà làm luật đã bổ sung thêm căn cứ nếu có người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì cũng được xem là căn cứ để Tòa án, Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Quy định mới này cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục xây dựng các văn bản dưới luật có nhiệm vụ cụ thể hóa, chi tiết hóa đảm bảo áp dụng pháp luật được đúng đắn và thống nhất.

- Thứ ba, hình thức của Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và việc Cơ quan điều tra thực hiện Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung được cụ thể hóa ở Thông tư liên tịch số 01/2010 đã được luật hóa trong Bộ luật TTHS năm 2015. Điều đó thể hiện một bước tiến mới trong lịch sử lập pháp TTHS, một sự quan tâm đúng mức của Đảng và nhà nước ta đối với công tác điều tra vụ án hình sự phải đảm bảo được tính chính xác, khách quan toàn diện và đúng pháp luật. Khi có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của Cơ quan điều tra là bắt buộc, quy định trong Bộ luật TTHS có tính ràng buộc cao hơn.

- Thứ tư, Bộ luật TTHS năm 2015 cũng luật hóa một số nội dung mới

nếu trường hợp Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nếu xét thấy có thể bổ sung chứng cứ, tài liệu thì Viện kiểm sát có thể trực tiếp bổ sung mà không cần thiết phải trả hồ sơ cho cơ quan điều tra. Điều 246 Bộ luật TTHS năm 2015 quy định giải quyết yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án: Trường hợp Tòa án quyết định trả hồ sơ vụ án điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát phải xem xét căn cứ của việc yêu cầu điều tra bổ sung và giải quyết như sau: *“Nếu quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung có căn cứ mà xét thấy không cần phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra thì Viện kiểm sát trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để bổ sung tài liệu chứng cứ; trường hợp Viện kiểm sát không thể tự điều tra bổ sung được thì Viện kiểm sát ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung và chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan điều tra để tiến hành điều tra”* hoặc *“Trường hợp Viện kiểm sát phát hiện có căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì Viện kiểm sát có văn bản đề nghị Tòa án trả hồ sơ”* (khoản 2 Điều 280 Bộ luật TTHS năm 2015). Điều này tạo sự chủ động cho Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, hạn chế được tình trạng giải quyết vụ án bị kéo dài như hiện nay.

- Thứ năm: Tạo sự chủ động cho Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, hạn chế được tình trạng giải quyết vụ án bị kéo dài không cần thiết Thẩm phán phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Thẩm phán áp dụng Điều 252 để xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ. Tòa án tiến hành việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ bằng các hoạt động:

1. Tiếp nhận chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp;
2. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án;
3. Xem xét tại chỗ vật chứng không thể đưa đến phiên tòa;
4. Xem xét tại chỗ nơi đã xảy ra tội phạm hoặc địa điểm khác có liên quan đến vụ án;

5. Trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản ngoài các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định, cần định giá tài sản quy định tại Điều 206 và Điều 215 của Bộ luật này; trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại; yêu cầu định giá lại tài sản;

6. Trường hợp Tòa án đã yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung chứng cứ nhưng Viện kiểm sát không bổ sung được thì Tòa án có thể tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 251 tạm ngừng phiên tòa khi: *“Cần phải xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên tòa và có thể thực hiện được trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tạm ngừng phiên tòa”* (điểm a khoản 1);

Việc tạm ngừng phiên tòa phải được ghi vào biên bản phiên tòa và thông báo cho những người tham gia tố tụng biết. Thời hạn tạm ngừng phiên tòa không quá 05 ngày kể từ ngày quyết định tạm ngừng phiên tòa. Hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa, việc xét xử vụ án được tiếp tục. Trường hợp không thể tiếp tục xét xử vụ án thì phải hoãn phiên tòa (khoản 2 Điều 251).

Theo tác giả, đây là những điểm mới rất tinh tế để Tòa án chủ động trong việc đánh giá toàn diện, tìm ra sự thật khách quan của vụ án, từ đó ra một bản án thấu tình đạt lý đúng quy định của pháp luật. Tuy vẫn còn một số điểm vướng mắc sau:

- Có thể chồng chéo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, dẫn đến có thể cơ quan điều tra, cơ quan truy tố sẽ ỷ lại vì vẫn còn một giai đoạn điều tra của Tòa án nữa;

- Nghiệp vụ và con người, thời gian để xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện ngay tại phiên tòa là không thể thực hiện được, mà quan điểm của tác giả là *“Khi thẩm phán nghiên cứu hồ sơ hoặc tại phiên tòa thấy cần xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật để có thể mở phiên tòa hoặc tiếp tục mở phiên tòa được”* thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử thu thập chứng cứ. Nếu việc thu thập và kiểm chứng

không thể mở phiên tòa hoặc tiếp tục mở phiên tòa thì ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát yêu cầu điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật TTHS. Việc này khác phục sự chồng chéo và con người của Tòa án.

2.2. Thực tiễn trả hồ sơ để điều tra bổ sung tại huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

2.2.1. Kết quả trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự (từ năm 2012 đến năm 2016) của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

2.2.1.1. Kết quả:

Trong 05 năm từ 2012 – 2016, Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý giải quyết 362 vụ án hình sự về các loại tội khác nhau. Trong đó Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung 29 vụ chiếm tỷ lệ 7,41%. Tỷ lệ số vụ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trên tổng số vụ toà án đã giải quyết xét xử thay đổi theo từng năm: Năm 2012 chiếm tỷ lệ 2,38%; năm 2013 tăng lên 7,86%; năm 2014 giảm xuống còn 7,4%; năm 2015 tăng lên 8,36%; năm 2016 tăng lên 13,8%.

Trong số 29 vụ Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho VKS, có 21 vụ do Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa trả trong thời hạn chuẩn bị xét xử, chiếm tỷ lệ 72,4%; 08 vụ do HĐXX ra quyết định trả hồ sơ cho VKS tại phiên tòa, chiếm tỷ lệ 2,75; 02 vụ phải trả hồ sơ nhiều lần, chiếm tỷ lệ 6,5%.

Trong tổng số 29 vụ Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung, có 21 vụ được VKS chấp nhận, thực hiện điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án và đã được Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Có 08 vụ VKS không chấp nhận yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án, giữ nguyên quan điểm truy tố và chuyển lại hồ sơ cho Tòa án, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử và kiến nghị trong bản án là 05. Có 03 Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử nhưng không có kiến nghị trong bản án về những yêu cầu điều tra bổ sung không được VKS thực hiện.

Kết quả trả hồ sơ điều tra bổ sung từ năm 2012 – 2016 được thể hiện qua các bảng sau.

Bảng 1: Số vụ án hình sự thụ lý hàng năm, số vụ trả hồ sơ hàng năm

Năm	Tổng số vụ án hình sự sơ thẩm Toà án đã giải quyết, xét xử	Số vụ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung	Tỷ lệ %
2012	82	2	2,38%
2013	89	7	7,86%
2014	75	6	7,4%
2015	66	6	8,36%
2016	50	8	13,8%
Tổng	362	29	7,41%

Nguồn: Báo cáo tổng kết của TAND huyện Phú Xuyên từ năm 2012 đến năm 2016.

Các loại tội thường được trả hồ sơ để điều tra bổ sung là tội Cố ý gây thương tích (07 vụ); Vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (05 vụ), Trộm cắp tài sản (03 vụ); Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy (03 vụ); Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cướp tài sản (02 vụ); còn lại là các loại tội khác như: Đánh bạc, Gây rối trật tự công cộng, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Bắt giữ người trái phép ...

Nguồn: Sổ lưu của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội từ năm 2012 đến năm 2016.

Về lý do trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Trong 29 vụ Tòa án đã trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung có 15 vụ cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án (căn cứ theo Điểm a Khoản 1 Điều 179 BLTTHS), chiếm tỷ lệ 55,1%; có 11 vụ có căn cứ cho rằng bị cáo phạm tội khác hoặc có đồng phạm khác (căn cứ theo Điểm b Khoản 1 Điều 179 BLTTHS), chiếm tỷ lệ 37,93%; 02 vụ trả hồ sơ vì phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (căn cứ theo Điểm c Khoản 1 Điều 179 BLTTHS), chiếm tỷ lệ 0,7% được thể hiện (bảng 2)

**Bảng 2: Các căn cứ Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên thành phố Hà Nội
trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự
(từ năm 2012 đến năm 2016)**

Năm	Tổng số vụ trả hồ sơ	Theo Điểm a Khoản 1 Điều 179 BLTTHS	Tỷ lệ %	Theo Điểm b Khoản 1 Điều 179 BLTTHS	Tỷ lệ %	Theo Điểm c Khoản 1 Điều 179 BLTTHS	Tỷ lệ % %	Theo căn cứ khác	Tỷ lệ %
2012	02	01	50	50	0	0	0	0	0
2013	07	04	71,4	03	42,8	0	14,3	0	0
2014	06	03	50	03	50	0	16,7	0	0
2015	06	03	50	02	33,3	01	16,7	0	0
2016	08	05	62	02	25	01	1,25	0	0
Tổng	29	15	51,7	11	37,93	02	5,8		

Nguồn: Báo cáo chất lượng trả hồ sơ để điều tra bổ sung của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội từ năm 2012 đến năm 2016 và Sổ lưu của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội từ năm 2012 đến năm 2016

2.2.1.2. Đánh giá:

Thứ nhất, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên toà được (những trường hợp trả hồ sơ khi có căn cứ theo Điểm a Khoản 1 Điều 179 BLTTHS):

Đây là những trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều nhất, chiếm tỷ lệ 51,7% các trường hợp Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tỷ lệ trả hồ sơ để điều tra bổ sung thuộc trường hợp này thay đổi theo từng năm: Năm 2012 chiếm tỷ lệ 50%; năm 2013 tăng lên 71,4%; năm 2014 giảm còn 50%; năm 2015 giữ mức 50%; năm 2016 tăng lên 62%

Nguyên nhân chủ yếu của việc trả hồ sơ trong những trường hợp này là thiếu những chứng cứ quan trọng như: Xác định tội danh, khung hình phạt, định giá lại tài sản, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,

trách nhiệm bồi thường dân sự, xác định lại hiện trường vụ án, mà không thể bổ sung làm rõ tại phiên tòa được.

Sau đây là một số ví dụ về việc Tòa án trả hồ khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa được theo điểm a Khoản 1 Điều 179 BLTTHS:

- Vụ án Đàm Văn Duy bị VKS truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép 0,140 gam heroin nhưng không giám định hàm lượng chất ma túy thu giữ của bị cáo. Tòa án đã trả hồ sơ yêu cầu giám định hàm lượng chất ma túy.

- Vụ án **Nguyễn Tiến Dũng**, bị viện kiểm sát truy tố về « Tội vi phạm các quy định về điều kiện phương tiện giao thông đường bộ ».

Khoảng 0h 15’ anh Phạm Văn Tới điều khiển xe ô tô BKS 90 – 011.90 bị hư hỏng trên đường Cao tốc tại Km 209 Quốc lộ 1B theo hướng Hà Nội – Hà Nam thuộc địa phận thôn Cổ Ché, xã Phúc Tiến, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, có bật đèn xi nhan hai bên nhưng không đỗ vào lề đường, không đặt biển báo hiệu theo quy định là vi phạm vào điểm đ, Điều 5 Nghị định 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Điểm đ, Điều 5 quy định “Khi đỗ xe chiếm một phần đường xe chạy không đặt ngay báo hiệu nguy hiểm theo quy định, trừ hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 7 Điều này và trường hợp đỗ xe tại vị trí quy định được phép đỗ xe”; vi phạm Điểm 3 Điều 26 Luật giao thông đường bộ. Điểm 3 Điều 26 luật giao thông đường bộ quy định “Chỉ được dừng xe, đỗ xe ở nơi quy định; trường hợp buộc phải dừng xe, đỗ xe không đúng nơi quy định thì người lái xe phải đưa xe ra khỏi phần đường xe chạy, nếu không thể được thì phải báo hiệu để người lái xe khác biết”. Nguyễn Tiến Dũng điều khiển xe ô tô 29C – 582.06 Lúc này Dũng nhìn qua gương chiếu hậu bên lái phía sau cách khoảng 40m có 01 xe ô tô containe bật xi nhan trái xin vượt, nên Dũng đã bật xi nhan phải và đánh lái sang bên phải để nhường đường cho xe ô tô containe vượt lên. Do trời tối

không có đèn đường, xe bị hư hỏng bên xi nhan Dũng nghĩ xe đang chuyển động, mặt khác Dũng thiếu chú ý quan sát nên xe của Dũng đã đâm va vào đuôi xe tải BKS 90C – 011.90 đang dừng ở làn đường dành cho xe tải. Hậu quả một người chết và một người bị thương nhẹ; xe ô tô BKS 90C – 011.90 thiệt hại trị giá 9.850.000đồng; xe ô tô 29C – 582.06 thiệt hại trị giá 266.380.000đồng.

Tòa án trả hồ sơ yêu cầu xử phạt hành chính đối với người điều khiển xe ô tô BKS 90 – 011.90 vì có lỗi theo điều luật viện dẫn trên.

Xem xét giá trị tài sản xe ô tô do Dũng điều khiển bị thiệt hại, theo quy định của luật thì không tính giá trị thiệt hại tài sản của người vi phạm để truy tố khoản 2 Điều 202 BLHS. Tại phiên tòa VKS đã rút truy tố từ khoản 2 xuống khoản 1’

- Vụ án **Đào Văn Mừng, Đào Văn Khánh** bị VKS truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 BLHS.

Đào Văn Mừng điều khiển xe ô tô BKS 89K-8243 chở đất cho công trình, Đào Văn Khánh đi cùng để học lái xe. Tại công trình anh Hoàng Hải Mạnh là người lái máy xúc, Mừng điều khiển xe ô tô đến chỗ máy xúc của Mạnh để lấy đất, do không chú ý nên Mừng lùi xe ô tô va vào gầu xúc làm cho xe của Mừng bị bẹp, vỡ đèn hậu. Mừng xuống xe chửi Mạnh, hai bên chửi nhau rồi xông vào đánh nhau bằng chân tay không. Mọi người hô đánh nhau, Mừng bị đánh chảy máu ở đuôi mắt nên gọi “Khánh ơi, Khánh ơi”. Lúc này, Khánh đang ngồi ở lán công trình có nghe thấy tiếng mọi người hô đánh nhau liền chạy ra thấy Mừng (bố) bị chảy máu ở đuôi mắt. Khánh xông vào đẩy Mừng ra và đâm vào vùng lách, vai của Mạnh. Mạnh tránh được và bỏ chạy qua rãnh tắt về phía đường nhánh dẫn đi ra đường Quốc lộ 1B hướng Ninh Bình – Hà Nội. Mừng và Khánh đuổi theo, trong lúc đuổi Mừng cúi nhặt được một viên bê tông hỗn hợp gần đó ném về phía Mạnh. Mừng và Khánh đuổi theo một đoạn thì quay lại. Mạnh tiếp tục chạy trèo qua lan can sang làn đường hướng Hà Nội – Ninh Bình đến chỗ Tổ cảnh sát giao thông Đội 7

đang làm nhiệm vụ thì bị ngắt ngã xuống nền đường, các anh CSGT đưa Mạnh đi cấp cứu trên đường đi anh Mạnh Tử vong. Chứng cứ trong hồ sơ không thể hiện khoảng cách từ các bị cáo đến người bị hại là bao nhiêu mét, phương pháp, thủ đoạn, mục đích, động cơ thực hiện tội phạm. Các chứng cứ này rất quan trọng cho việc định tội danh tội “giết người” hay tội “Cố ý gây thương tích”

Tòa án đã trả hồ sơ cho VKS làm rõ những vấn đề nêu trên mới có căn cứ xét xử các bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Thứ hai, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác, (căn cứ theo Điểm b Khoản 1 Điều 179 BLTTHS)

Có 11 trường hợp Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có căn cứ cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác, chiếm tỷ lệ 37,93% số các vụ Toà án đã trả hồ sơ. Tỷ lệ này thay đổi theo từng năm: Năm 2011 chiếm tỷ lệ 33,3%, năm 2012 giảm xuống 25%, năm 2013 tăng lên 39,1%, năm 2014 giảm còn 18,2% nhưng năm 2015 lại tăng lên 38,46%.

Một số ví dụ về việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác theo điểm b Khoản 1 Điều 179 BLTTHS:

- Vụ án **Nguyễn Văn Sáng**, bị BKS truy tố về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 BLHS.

Sáng ngày 21/12/2015, Nguyễn Văn Sáng, Nguyễn Văn Tùng đến Trung tâm y tế huyện Phú Xuyên để uống thuốc cai nghiện ma túy. Sau khi uống thuốc xong Sáng và Tùng đi uống nước. Đến khoảng 14giờ cùng ngày, Tùng điều khiển xe máy BKS 29Y7-24254 chở Sáng đi cầm cố xe để lấy tiền chuộc xe cho Sáng nhưng không cầm cố được. Sáng nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của Tùng, Sáng nói với Tùng Anh đưa cho em mượn xe máy và đăng kí xe máy để em vào nhà cô em vay tiền’. Tùng đồng ý cho Sáng mượn đã giao xe và giấy tờ xe cho Tùng. Có được xe Sáng đi xe máy đến gặp Nguyễn Đình Hiếu hỏi vay tiền và đặt xe lấy 15triệu

Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho VKS yêu cầu xem xét lại tội danh với lý do, Sáng có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước nên đã nói dối là có bà cô ruột để cho Tùng tin giả là thật đã trao tài sản của mình cho bị can, sau khi có được tài sản bị can đi thẳng đến nơi đặt tài sản để lấy tiền ăn tiêu.

- Vụ án **Nguyễn Văn Luân**, bị VKS truy tố về tội “Giả mạo trong công tác” theo khoản 1 Điều 284 – Bộ luật hình sự.

Nguyễn Văn Quang có nguyện vọng đăng ký dự thi vào Học viện An ninh nhân dân khối A. Đến khoảng tháng 2/2014, Nguyễn Văn Quang có nhu cầu dự thi vào Học viện An ninh nhân dân khối A. Do học lực của Quang trung bình nên Quang đã tự đi đến khu vực Học Viện An Ninh nhân dân ở Phố Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội để tìm lớp ôn thi. Tại đây, Quang đã gặp và quen người tên là Bình; Quang và Bình đã giao dịch bàn bạc với nhau về phương thức thủ đoạn làm hồ sơ giả để cho người thi hộ Quang đỗ vào Học viện An ninh nhân dân hoặc Cao đẳng an ninh nhân dân, nếu thi đỗ Học viện An ninh nhân dân thì Quang phải trả cho Bình 200 triệu đồng; nếu thi đỗ Cao đẳng An ninh nhân dân Quang phải trả cho Bình 100 triệu đồng. Việc giao dịch giữa Quang và Bình đã hoàn thành và diễn ra đúng như bàn bạc và được Bình hướng dẫn như sau,

Khi Công an huyện Phú Xuyên thông báo đến chụp ảnh thì Quang đến đăng ký chụp ảnh, nhưng không chụp mà lấy số rồi quay về gặp Bình lấy ảnh của người thi hộ mang đến hiệu ảnh Phú Đạt Scan ảnh với số đã đăng ký lấy số 61. Sau khi có số Quang đến gặp Bình, Bình đưa ảnh người thi hộ cho Quang và hướng dẫn Quang mang ảnh đến hiệu ảnh Phú Đạt nhờ họ Scan số 61 vào ảnh, xong nhờ hiệu ảnh mang đến Công an huyện Phú Xuyên nộp. Quang gặp bình, Bình đưa cho Quang 02 ảnh của người thi hộ và bảo Quang mang về đưa cho bố là “Nguyễn Văn Luân” để dán vào bản tự khai lý lịch và bản thẩm tra lý lịch. Khi Quang đưa Luân biết 02 ảnh Quang đưa không phải là ảnh của Quang (con mình) nhưng đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối tạo ra hồ sơ giả (Đưa ảnh người thi hộ vào làm thủ tục sơ tuyển), nhằm lừa dối cơ quan nhà

nước. Sử dụng các giấy tờ giả đó, kết quả 03 môn Toán, Lý, Hóa đạt 23 điểm. Quang đủ điểm vào học hệ Trung cấp trường Cao đẳng an ninh nhân dân I.

Đối với các cán bộ chiến sĩ công an huyện Phú Xuyên: 1/ Phạm Thị Thu – Đội phó đội tổng hợp được giao phụ trách công tác tuyển sinh. 2/ Nguyễn Thanh Bình - Cán bộ đội xây dựng phong trào và phụ trách xã về an ninh trật tự, là người được giao đi thẩm tra lý lịch cho Nguyễn Văn Quang. 3/ Dương Công Thế - Cán bộ đội tổng hợp là người giúp việc; Những cán bộ Công an huyện là người được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ của các thí sinh có nguyện vọng thi vào Học viện an ninh nhân dân và Cao đẳng an ninh nhân dân; các cán bộ này đã có hành vi làm trái các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, như kế hoạch số 818/KH - CAHN- PX13 ngày 24/2/2014 và Công văn 837/CAHN - PX13 ngày 01/3/2014 của Giám đốc Công an thành phố Hà Nội, kế hoạch là không chụp ảnh đúng quy định, không dán ảnh vào hồ sơ khi đi thẩm tra lý lịch...

Đối với cán bộ xã: Nguyễn Thế Hưng – Chủ tịch UBND xã, Đào Văn Thắng – Phó trưởng Công an xã Quang Lãng đã không tuân thủ quy định của pháp luật để đối tượng lợi dụng chấu ảnh người thi hộ vẫn cố ý ký xác nhận vào hồ sơ.

Tòa án đã trả hồ sơ cho VKS để điều tra làm rõ hành vi vi phạm pháp luật của Quang và các cán bộ Công an huyện, xã từ đó, có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự của người vi phạm pháp luật, tránh bỏ sót, lọt tội phạm,

Thứ ba, trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, trường hợp trả hồ sơ khi có căn cứ theo Điểm c Khoản 1 Điều 179 BLTTHS:

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo trường hợp này có số lượng không nhiều (02 vụ, chiếm tỷ lệ 6,9%); năm 2012, 2013, 2014 không có trường hợp nào Tòa án trả hồ sơ vì phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì đến năm 2015 có 01 chiếm tỷ lệ 2,9%; năm 2016 có 01 vụ tỷ lệ này là 2,9%,

Các vi phạm thủ tục tố tụng thường gặp là không thực hiện đúng các trình tự luật định khi thu thập vật chứng, khám xét, nhận dạng, đối chất và đặc

biệt là không đảm bảo quyền được bào chữa cho bị can theo quy định tại khoản 2 Điều 57 BLTTHS.

Một số ví dụ về việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo điểm c Khoản 1 Điều 179 BLTTHS:

- Vụ án **Hoàng Văn Dương**, bị VKS truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Khoảng 15 giờ ngày 18/02/2016, Dương lên xe buýt quan sát có hai mẹ con là bà Phạm Thị Sinh và chị Diên Thị Thúy Hằng ngồi đang ngủ, Thấy chị Hằng để 01 chiếc túi xách ở giữa ghế thì Dương liền đến ngồi ở hàng ghế đối diện vươn người qua bà Sinh, dùng tay phải mở chốt nam châm miệng túi xách lấy được số tiền 4.400.000đồng thì bị lực lượng Công an huyện Phú Xuyên đến bắt quả tang, thu giữ vật chứng là số tiền Dương trộm cắp được 4.400.000đồng.

Ngày 22/2/2016, Cơ điều tra có biên bản làm việc với trạm y tế xã được biết: Hoàng Văn Dương có tiền sử về bệnh động kinh, rối loạn tâm thần có hồ sơ quản lý người bệnh tâm thần với Hoàng Văn Dương. Tuy nhiên, sau khi biết bị can có hồ sơ về bệnh tâm thần nhưng cơ quan điều tra không yêu cầu Đoàn luật sư phân công văn phòng luật sư cử người bào chữa, mặt khác không báo người đại diện hợp pháp của bị can mời luật sư dẫn đến người đại diện hợp pháp có nhiều đơn khiếu nại.

Tòa án trả hồ sơ cho VKS để khắc phục vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo điểm c khoản 1 Điều 179 BLTTHS

2.2.2. Những bất cập, hạn chế và nguyên nhân.

2.2.2.1. Những bất cập, hạn chế.

- *Những bất cập, hạn chế từ quy định của pháp luật.*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 49 BLTTHS thì “bị can là người đã bị khởi tố về hình sự”; khoản 1 Điều 50 BLTTHS thì “bị cáo là người đã bị Tòa án ra quyết định đưa ra xét xử”, như vậy, khoản 1 Điều 179 BLTTHS Thẩm

phán ra quyết định trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung trong các trường hợp...; tuy nhiên tại điểm b khoản 1 Điều 179 BLTTHS “...cho rằng bị cáo phạm tội khác..”

Như vậy, 03 điều luật trên có sự xung đột và không thống nhất về thuật ngữ dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 179 BLTTHS thì chỉ quy định cho Thẩm phán được trả hồ sơ điều tra bổ sung “Thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung trong các trường hợp sau” Điều 199 quy định HĐXX trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng không quy định cụ thể căn cứ cho HĐXX trả hồ sơ bổ sung mà dẫn chiếu theo Điều 179 BLTTHS.

- Bất cập về trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng với nhau.

Điều 114 BLTTHS quy định, “Cơ quan điều tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu và quyết định của Viện kiểm sát. Đối với những yêu cầu và quyết định quy định tại các điểm 4, 5 và 6 Điều 112 của Bộ luật này, nếu không nhất trí, Cơ quan điều tra vẫn phải chấp hành, nhưng có quyền kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp...”. Như vậy, khi Viện kiểm sát thực hiện thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 112 và khoản 4 Điều 113 BLTTHS thì Cơ quan điều tra phải tuyệt đối chấp hành dù có nhất trí hay không mà chỉ được kiến nghị với Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp.

Về trách nhiệm của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong việc không thực hiện yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án:

BLTTHS quy định nhiệm vụ thực hiện yêu cầu điều tra bổ sung nhưng lại không quy định chế tài đối với cơ quan tiến hành tố tụng được yêu cầu điều tra bổ sung nên dẫn đến việc hồ sơ phải trả đi trả lại nhiều lần, kéo dài thời gian giải quyết vụ án khi cơ quan được yêu cầu điều tra bổ sung nhưng không thực hiện hết trách nhiệm của mình hoặc có thực hiện nhưng qua loa rồi chuyển lại hồ sơ cho cơ quan yêu cầu điều tra bổ sung.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 179 BLTTHS quy định, “Trong trường hợp Viện kiểm sát không bổ sung được những vấn đề mà Tòa án yêu cầu bổ sung

và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án”. Nếu bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy thì Thẩm phán được phân công Chủ tọa phiên tòa sẽ bị xem xét trách nhiệm, trong khi Kiểm sát viên, Điều tra viên (những người có trách nhiệm trong việc ra điều tra bổ sung nhưng không thực hiện hết trách nhiệm của mình) lại chẳng bị xử lý.

Đây là hạn chế cần khắc phục khi sửa đổi, bổ sung BLTTHS nhằm phát huy giá trị của quy định yêu cầu điều tra bổ sung mà BLTTHS quy định và trong Thông tư 01/2010,

- *Bắt cập, hạn chế về số lần yêu cầu điều tra bổ sung*

Khoản 2 Điều 121 BLTTHS quy định, “Trong trường hợp vụ án do Viện kiểm sát trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá hai tháng; Nếu do Tòa án trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá một tháng. *Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ được trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung không quá hai lần.* Thời hạn điều tra bổ sung tính từ ngày cơ quan điều tra nhận lại hồ sơ vụ án và yêu cầu điều tra”.

- *Bắt cập về thời hạn, trình tự thủ tục tiến hành điều tra bổ sung và việc áp dụng biện pháp ngăn chặn khi tiến hành điều tra bổ sung*

+ Quy định về thời gian điều tra bổ sung không rõ nên gây khó khăn trong việc áp dụng. Khoản 2 Điều 121 BLTTHS quy định: “*Trong trường hợp vụ án do Viện kiểm sát trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá hai tháng; nếu do Tòa án trả lại để điều tra bổ sung thì thời hạn điều tra bổ sung không quá một tháng. Viện kiểm sát hoặc Tòa án chỉ được trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung không quá hai lần...*”. Với quy định này thiết nghĩ không phù hợp với việc đánh đồng các loại tội, (ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng) là khác nhau, thời gian điều tra cũng khác nhau. (Đây là những hạn chế của quy định pháp luật)

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử sau khi có kết quả điều tra bổ sung trong trường hợp Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn chuẩn bị xét

xử. Khoản 2 Điều 176 BLTTHS có quy định: “*Đối với vụ án được trả lại để điều tra bổ sung thì trong thời hạn mười lăm ngày sau khi nhận lại hồ sơ, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử*”. Quy định này gây khó khăn cho Thẩm phán trong một số trường hợp vụ án phức tạp. Nếu buộc trong hạn 15 ngày khi nhận lại hồ sơ vụ án Tòa án phải mở phiên tòa có khi vô tình kéo dài thời gian. Bởi vì, Tòa án chỉ có thể trả hồ sơ đợi khi phiên tòa diễn ra mới được trả hồ sơ. Trong khi nếu kéo dài thời gian có thể Tòa án sẽ trả hồ sơ ngay, không cần đợi đến phiên tòa mới trả hồ sơ. Ngoài ra, thời gian kéo dài sẽ giúp Thẩm phán nghiên cứu các tình tiết yêu cầu bổ sung và những tình tiết mới chặt chẽ, có thể khắc phục trước khi mở phiên tòa.

+ Thủ tục tố tụng thực hiện tiếp theo sau khi Tòa án nhận kết quả điều tra bổ sung trong trường hợp Hội đồng xét xử yêu cầu điều tra bổ sung: Theo đoạn cuối khoản 2 Điều 176 BLTTHS quy định, “*Đối với vụ án được trả lại để điều tra bổ sung thì trong thời hạn mười lăm ngày sau khi nhận lại hồ sơ, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử*” và tại điểm 1.2.2 tiểu mục 1.2 Mục 1 Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP thì “*Trong trường hợp Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì thời hạn chuẩn bị xét xử kết thúc vào ngày ra quyết định...*”. Tuy nhiên, trường hợp Hội đồng xét xử yêu cầu điều tra bổ sung thì thời hạn giải quyết vụ án và thời gian mở phiên tòa tiến hành như thế nào cũng chưa được quy định rõ.

2.2.2.2. Nguyên nhân những hạn chế trong hoạt động trả hồ sơ điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Một là: Nguyên nhân từ quy định của pháp luật đến thống nhất nhận thức pháp luật.

Những tồn tại hạn chế trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của TAND huyện Phú Xuyên, thành

phổ Hà Nội như phân tích ở trên là do quy định trong hệ thống pháp luật, đặc biệt là pháp luật tố tụng hình sự còn chưa thật hoàn thiện, thiếu tính đồng bộ, còn nhiều kẽ hở chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời. Trong khi đó công tác hướng dẫn về nhận thức pháp luật và áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng không thống nhất về đánh giá chứng cứ, tội danh cũng như đường lối xử lý vụ án. Các quy định về căn cứ để trả hồ sơ để điều tra bổ sung còn khá chung chung dẫn đến nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau nên việc áp dụng pháp luật trong hoạt động này chưa thống nhất, nên trong thực tế việc hiểu và áp dụng pháp luật giữa cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có vụ có nơi chưa thống nhất.

Trong quá trình thực hiện Thông tư 01/2010/TTLT- VKSNDTC- BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 việc nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán chưa thống nhất như phần viện dẫn “Do quy định của pháp luật và nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng”. Tuy nhiên, tại điểm c Khoản 3 Điều 1 lại quy định “Không trả hồ sơ nếu là chứng cứ quan trọng nhưng nếu thiếu cũng truy tố, xét xử được hoặc không thể thu thập được”. Đây là chính là nguyên nhân cho việc trả hồ sơ không được Viện kiểm sát chấp nhận.

Thông tư 01 quy định về việc xác định trách nhiệm trong việc trả hồ sơ của các cơ quan tiến hành tố tụng nhưng chưa quy định chế tài cụ thể đối với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi có lỗi trong việc trả hồ sơ điều tra bổ sung, chưa có cơ quan nào đánh giá lỗi trong việc trả hồ sơ điều tra bổ sung không đúng, VD: Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung về vấn đề xác định thiệt hại tài sản của người phạm tội; thiệt hại tài sản của người bị hại, thiệt hại của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự ... để có căn cứ định khung hình phạt và áp dụng hình phạt bổ sung, nhưng VKS không chấp nhận yêu cầu trả hồ sơ bổ sung của Tòa án, Tòa án vẫn phải đưa vụ án ra xét xử theo Điều 196 Bộ luật hình sự, trường hợp này VKS cho rằng không có lỗi; có trường hợp VKS bổ sung nhưng không làm thay đổi nội dung cáo trạng

nên khi chuyển sang tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng, trong trường hợp này VKS vẫn cho rằng không có lỗi; về phía Tòa án trả hồ sơ đã viện dẫn điều, khoản của pháp luật là trả đúng quy định của pháp luật do vậy cũng cho là không có lỗi. Vậy, Thông tư số 01/2010 quy định trách nhiệm trả hồ sơ của các cơ quan tiến hành tố tụng cũng chỉ là hình thức, không có chế tài và ai là người phán xét chế tài này ?

Hai là: Tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng còn nhiều bất hợp lý, chậm đổi mới cho phù hợp.

Quan điểm về đánh giá chứng cứ, xác định tội danh và đường lối xử lý còn thiếu thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là đối với những vụ án lớn, phức tạp.

Ba là: Nguyên nhân từ sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương:

Sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chưa thật sự chặt chẽ và hiệu quả. Chưa xây dựng được quy chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Vẫn còn tình trạng Tòa án cứ trả hồ sơ, VKS không tiến hành điều tra bổ sung mà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố mặc dù chưa xem xét việc trả hồ sơ của Tòa án có căn cứ hay không, trả nhằm mục đích gì cho việc xét xử ... ?. Điều này gây nên sự căng thẳng trong mối quan hệ công tác giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là Tòa án và VKS, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động trả điều tra, truy tố và xét xử.

2.2.2.3. Nguyên nhân từ nhận thức thống nhất pháp luật của người tiến hành tố tụng huyện Phú Xuyên.

Ý thức và tinh thần trách nhiệm đối với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng chưa cao, trình độ không đồng đều, yếu về trình độ và năng lực chuyên môn, chưa dành thời gian hợp lý cho việc nghiên cứu các văn bản pháp quy và hướng dẫn về nghiệp vụ.

Một số điều tra viên vẫn tồn tại tâm lý ngại có luật sư tham gia tố tụng

từ giai đoạn điều tra nên chưa thật sự tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư thực hiện chức năng bào chữa của mình. Đối với những trường hợp bắt buộc phải có người bào chữa theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 BLTTHS thì việc thực hiện các thủ tục bào chữa cho bị can nhiều khi chỉ mang tính đối phó, không thực sự có hiệu quả.

Một số Kiểm sát viên chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc ngay từ giai đoạn kiểm sát điều tra, xây dựng hồ sơ, không phát hiện được những vấn đề cần phải chứng minh làm rõ trong điều tra hình sự, không đề ra được những yêu cầu điều tra cần thiết dẫn đến việc khi hồ sơ đã chuyển sang Toà án mà những chứng cứ quan trọng vẫn chưa được củng cố vững chắc để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Một số Thẩm phán chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, việc đánh giá chứng cứ không toàn diện, không đúng, không phát hiện kịp thời những vấn đề cần điều tra bổ sung để làm căn cứ xác định sự thật khách quan của vụ án nên dẫn đến việc trả hồ sơ tùy tiện, thiếu căn cứ pháp luật. Thực tế cho thấy một số Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa xét xử sơ thẩm chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện nên khi trả hồ sơ Viện kiểm sát không chấp nhận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, kết quả Hội đồng xét xử vẫn tuyên bị cáo phạm tội như cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát. Một số Thẩm phán không thực hiện mối quan hệ phối hợp được quy định tại điều 10 Thông tư 01, khi phát hiện những thiếu sót đơn giản có thể khắc phục được hoặc có thể bổ sung tại phiên tòa nhưng Thẩm phán không trao đổi với Kiểm sát viên để khắc phục mà thực hiện ngay việc trả hồ sơ. Một số Thẩm phán còn nặng về thành tích, trả hồ sơ không có căn cứ, tùy tiện, biết trả hồ sơ Viện kiểm sát không chấp nhận nhưng vẫn trả hồ sơ làm cho vụ án bị kéo dài.

2.2.2.4. Nguyên nhân từ trình độ, năng lực người tiến hành tố tụng.

Do trình độ, năng lực của một số Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán chưa thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm cầu thị, học hỏi và đọc luật và các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật mà chỉ làm theo lối mòn, cảm

tính trong khi xã hội phát triển, văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật thường xuyên thay đổi và bổ sung. Mặt khác nhiều cán bộ trẻ chưa có kinh nghiệm thực tiễn, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến trả hồ sơ.

Đảng ta luôn xác định cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Đặc biệt cần phải quan tâm, kiện toàn và xây dựng đội ngũ cán bộ, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, có các biện pháp quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Cụ thể phải thường xuyên chăm lo đội ngũ cán bộ, đổi mới công tác cán bộ gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ..., nhất là đối với đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và các cán bộ khác công tác trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, góp phần tăng cường chất lượng công tác tư pháp trong tình hình mới.

Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử tốt hay chưa tốt, đúng pháp luật hay chưa đúng pháp luật cũng do con người thực hiện nên việc đào tạo con người có chuyên môn, nghiệp vụ cao đáp ứng được yêu cầu hoạt động tố tụng hình sự là rất quan trọng và cần thiết. Do vậy, cần thường xuyên chú trọng hơn nữa công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật những kiến thức pháp lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn cho những người tiến hành tố tụng. Nên thực hiện tốt các chuyên đề hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn huyện Phú Xuyên, các báo cáo rút kinh nghiệm về án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong ngành Tòa án để đội ngũ Kiểm sát viên, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nguyên tắc “xác định sự thật của vụ án” quy định tại Điều 10 BLTTHS 2003.

Kết luận chương 2

Chương 2, luận văn đã đánh giá quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Nghiên cứu ở chương này cho thấy bên cạnh

những ưu điểm, kết quả áp dụng quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội vẫn còn chứa đựng những hạn chế, bất cập từ pháp luật, từ nhận thức của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đây là vấn đề cần phải nhận thức rõ, rút kinh nghiệm nghiêm túc để nâng cao chất lượng công tác, hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay và giai đoạn tương lai về sau.

Chương 3

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRẢ HỒ SƠ ĐIỀU TRA BỔ SUNG TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM CỦA VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Các quan điểm về trả hồ sơ điều tra bổ sung

3.1.1. Quan điểm về cải cách tư pháp

Trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu khách quan đặt ra là phải tiến hành cải cách bộ máy nhà nước, trong đó cải cách tư pháp có vị trí rất quan trọng. Bởi vì, các cơ quan tư pháp là công cụ quan trọng của Đảng và Nhà nước để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ nhân dân, các quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của người dân, bảo đảm kỷ cương xã hội. Chính vì vậy, Đảng và nhà nước đã triển khai và đề ra nhiệm vụ: “Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Quản lý xã hội bằng pháp luật...”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 6/1997); Nghị quyết số 08- NQ/TW ngày 02/01/2002; Nghị quyết 49- NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị định hướng đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự; tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp. Đổi mới hệ thống tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử, bảo đảm cải cách hoạt động xét xử là trọng tâm của cải cách hoạt động tư pháp;

Như vậy, Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm đến cải cách bộ máy nhà nước, trong đó cải cách tư pháp đóng vai trò quan trọng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Quản lý xã hội bằng pháp luật...”. Trong đó Tòa án giữ vai trò trung tâm trong hệ thống tư pháp, hoạt động xét xử là khâu đột phá của quá trình cải cách tư pháp. Tòa án phải nâng cao bản lĩnh chính trị,

phẩm chất đạo đức, lối sống với phương châm “phải gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân”... Phán quyết của tòa án thể hiện kết quả cuối cùng của tiến trình tố tụng: tuyên bố một công dân có tội hoặc không có tội, đúng hoặc sai. Vì lẽ đó, tòa án là nơi thể hiện sâu sắc nhất bản chất của nhà nước và nền công lý nước ta. Sứ mạng của tòa án được thể hiện ở chỗ nó là công cụ để bảo vệ công lý và sự công bằng xã hội. Cải cách tòa án là tạo ra các điều kiện và các phương tiện tố tụng tối ưu để giải quyết các vụ án đúng pháp luật, kịp thời và nghiêm minh. Vì vậy, cải cách Tòa án cần nhằm đạt các mục tiêu sau :

Thứ nhất, Hoạt động của tòa án phải phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới, giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Thứ hai, Tòa án phải cương quyết xử lý nghiêm minh, tuyên phạt công khai và minh bạch các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần tạo dựng một trật tự pháp lý, tạo lập một môi trường sống lành mạnh, an toàn, kiểm soát và giải quyết tốt các mối quan hệ trong hành lang pháp luật.

Thứ ba, thông qua thực tiễn xét xử, tiến hành tổng kết, phát hiện và kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước.

Thứ tư, xây dựng một hệ thống tòa án gần dân, hiểu dân, gần dân và phải tạo thuận lợi cho dân; đồng thời phải tiết kiệm cho ngân sách nhà nước; chăm lo xây dựng đội ngũ thẩm phán ngày càng vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới. Do vậy, cần kiên quyết trong việc rà soát đội ngũ thẩm phán làm cho đội ngũ cán bộ tòa án ngày càng trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là chỗ dựa tin cậy của nhân dân.

3.1.2. Quan điểm tranh tụng trong xét xử:

Tại Điều 103 khoản 5 Hiến pháp sửa đổi năm 2013 quy định “*Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*” để Tòa án đánh giá toàn bộ nội dung vụ án và đưa ra phán quyết cuối cùng đảm bảo tính khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đây là một bước tiến lớn và phù hợp với tinh

thần cải cách tư pháp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cả về nhận thức lẫn hoạt động thực tiễn trong việc xét xử.

Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp”. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phải chủ động, tích cực tranh luận, đối đáp tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự... Từ đó, việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời gian quy định“.

Tuy nhiên so với tình hình đặt ra thì hoạt động tranh tụng chưa đáp ứng yêu cầu. Có phiên tòa chưa thực sự bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, số lượng án hủy, sửa còn nhiều. Về mặt nhận thức vẫn tồn tại quan niệm “án bỏ túi”, “án tại hồ sơ” dẫn đến tâm lý xem nhẹ hoạt động tranh tụng tại phiên tòa. Đảng, nhà nước tiếp tục cải cách và hoàn thiện các quy định về bảo đảm tranh tụng trong bộ luật, luật và các văn bản pháp luật tố tụng để thật sự quy định của pháp luật được từng bước hoàn thiện và đi vào cuộc sống.

3.1.3. Quan điểm phân biệt các chức năng tố tụng.

Trong bất kỳ một hệ thống luật TTHS nào cũng đều tồn tại các nhu cầu được đặt ra bởi tính chất, mục đích yêu cầu của tố tụng hình sự. Mục đích của luật TTHS là truy tố tội phạm là người phạm tội “buộc tội”; bào chữa cho bị can, bị cáo và luật sư của họ “gỡ tội”; xét xử là hoạt động của tòa án. Từ đó, ba chức năng: buộc tội, gỡ tội, xét xử, ba chức năng này luôn tồn tại trong bất kỳ một loại TTHS nào. Do đó, nói chức năng tố tụng là nói đến những định

hướng hoạt động trong quá trình TTTHS mà không lẫn lộn các chức năng trong luật TTTHS.

Như vậy, mục đích của luật TTTHS Việt Nam là "xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ". Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đều mong muốn và hoạt động trên cùng một hướng là xác định sự thật của vụ án. Điều 10 của luật TTTHS quy định: "Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo".

3.1.4. Quan điểm Hiến pháp về tổ chức bộ máy nhà nước.

Trước tình hình biến động và phát triển thế giới để đáp ứng yêu cầu hội nhập. Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung một nguyên tắc mới về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta. Đó là, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp cho các cơ quan nhà nước khác nhau, thay mặt nhân dân thực hiện các quyền nhân dân giao cho không bị lạm quyền và có sự kiểm soát của nhân dân, đánh giá được hiệu lực và hiệu quả thực hiện các quyền lực nhà nước được giao cho mình. Trong đó, QH thực hiện quyền lập pháp, (Điều 69), Chính phủ thực hiện quyền hành pháp (Điều 94), Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp (Điều 102) đây là một thay đổi quan trọng, tạo điều kiện để làm rõ vị trí, vai trò, nhiệm vụ quyền hạn của mỗi quyền.

- Quyền lập pháp là quyền đại diện cho nhân dân thể hiện ý chí chung của quốc gia. Những người được nhân dân trao cho quyền này là những người do phổ thông đầu phiếu bầu ra hợp thành cơ quan gọi là Quốc hội. Quốc hội đại diện cho nhân dân, bảo đảm cho ý chí chung của nhân dân được thể hiện trong các đạo luật mà mình là cơ quan duy nhất được nhân dân giao quyền

biểu quyết thông qua luật. Quyền biểu quyết thông qua luật là quyền lập pháp, chứ không phải là quyền đưa ra các mô hình xử sự cho xã hội. Vì vậy, quyền lập pháp không đồng nghĩa với quyền làm ra luật. Đồng thời, là người thay mặt nhân dân giám sát tối cao mọi hoạt động của Nhà nước, nhất là hoạt động thực hiện quyền hành pháp, để góp phần giúp cho các quyền mà nhân dân giao cho các cơ quan nhà nước không bị lạm quyền, lộng quyền hay bị tha hóa. Quyền hạn và nhiệm vụ của QH thực hiện quyền lập hiến, lập pháp được quy định ở Điều 70 và Điều 120 của Hiến pháp mới.

Quyền hành pháp là quyền tổ chức thực hiện ý chí chung của quốc gia do Chính phủ đảm trách. Thuộc tính cơ bản, xuyên suốt mọi hoạt động của quyền này là đề xuất, hoạch định, tổ chức soạn thảo chính sách quốc gia và sau khi chính sách quốc gia được thông qua là người tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước mà thực chất là tổ chức thực hiện pháp luật để bảo đảm an ninh, an toàn và phát triển xã hội. Không có một Chính phủ thực hiện quyền hành pháp một cách hữu hiệu, thông minh; không thể có một nhà nước giàu có, phát triển ổn định cả về mặt kinh tế lẫn mặt xã hội. Thực hiện quyền này đòi hỏi Chính phủ và các thành viên của Chính phủ phải nhanh nhạy, quyết đoán kịp thời và quyền uy tập trung thống nhất. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chính phủ - cơ quan thực hiện quyền hành pháp được quy định một cách khái quát ở Điều 96 Hiến pháp mới.

Quyền tư pháp là quyền xét xử, được nhân dân giao cho tòa án thực hiện. Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là nguyên tắc xuyên suốt và cao nhất trong tổ chức thực hiện quyền này; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của thẩm phán và hội thẩm nhân dân (khoản 2, Điều 103). Đây thực chất là quyền bảo vệ ý chí chung của quốc gia bằng việc xét xử các hành vi vi phạm Hiến pháp, pháp luật từ phía công dân và cơ quan nhà nước. Vì vậy, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân là nhiệm vụ hàng đầu của quyền tư pháp (khoản 3, Điều 102). Mọi cơ quan, tổ

chức và cá nhân có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ tính pháp quyền và công lý trong các phán quyết của Tòa án.

Như vậy, xuất phát từ đặc điểm của quyền lực nhà nước, việc phân định thành ba quyền nói trên là một nhu cầu khách quan. Bởi vì, xã hội càng phát triển, phân công lao động càng phải chuyên môn hóa cao để phát huy hiệu quả thì cần phân định mạch lạc ba quyền là cách thức tốt nhất để phát huy vai trò của Nhà nước trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. quyền lực nhà nước ngày càng thực sự là quyền lực của nhân dân, tính pháp quyền của Nhà nước ngày càng được đề cao. Nội dung và tinh thần của các quy định về việc phân công nhiệm vụ quyền hạn cho QH, Chính phủ, Tòa án nhân dân nhìn chung đáp ứng các yêu cầu nói trên và là cơ sở để tiến hành kiểm soát quyền lực nhà nước.

3.1.5. Quan điểm bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự.

Nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự là bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp. Như công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác; nguyên tắc suy đoán vô tội; không ai bị kết án hai lần vì một tội danh, tranh tụng trong xét xử được bảo đảm; bảo đảm sự kiểm tra, giám sát trong hệ thống từng cơ quan tố tụng và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng...

Bộ luật cũng quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan tố tụng; quy định trình tự, thủ tục trong từng giai đoạn tố tụng nhằm tháo gỡ vướng mắc, bất cập trong thực tiễn; đồng thời phân định thẩm quyền hành chính với thẩm quyền tư pháp, tăng quyền, tăng trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, luật sư, Các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân cũng được quy định chặt chẽ. Mọi biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong quá trình giải quyết vụ án được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; cụ thể hóa các căn cứ được coi là cản trở điều tra, truy tố, xét xử nhằm tránh lạm dụng thẩm quyền. Các quy định của bộ luật cũng hướng đến bảo đảm quyền bào chữa của người bị bắt, bị tạm giữ, bị

can, bị cáo, bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong xét xử; tạo cơ sở pháp lý để đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án hình sự, chống sự tùy nghi, lạm dụng.

Để đảm bảo tính minh bạch, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát hoạt động tố tụng tư pháp, Bộ luật quy định bắt buộc phải ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh khi hỏi cung bị can tại nơi giam giữ hoặc tại trụ sở cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có sự kiểm soát của kiểm sát viên, luật sư tham gia hỏi cung, tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, có phân công, phân cấp rành mạch và được kiểm soát chặt chẽ; điều tra nhanh chóng, kịp thời, chính xác, khách quan, toàn diện, đầy đủ, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

3.1.6. Quan điểm thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội

Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948 của Liên hợp quốc và Công ước quốc tế về quyền chính trị và dân sự của Liên hợp quốc năm 1966 đều có quy định: *“Bất kỳ người bị buộc tội nào đều có quyền suy đoán là không phạm tội cho đến khi lỗi của người đó được xác định theo một trình tự do pháp luật quy định bằng phiên tòa xét xử công khai của Tòa án với sự bảo đảm đầy đủ khả năng bào chữa của người đó”*. Pháp luật tố tụng hình sự nhiều nước trên thế giới đã thừa nhận nguyên tắc trên, nguyên tắc suy đoán vô tội, như một trong những nguyên tắc của tố tụng hình sự của quốc gia mình.

Nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi bất cứ tội phạm nào cũng phải được chứng minh theo trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình chứng minh tội phạm được thực hiện từ khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của các cơ quan, tổ chức và được thực hiện thông qua các thủ tục khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tiến hành các hoạt động điều tra, kết thúc điều tra đề nghị truy tố, truy tố bằng bản cáo trạng và tiến hành xét xử công khai tại phiên tòa. Nếu có căn cứ để kết tội thì Tòa án sẽ ra bản án kết tội bị cáo bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Hành vi thực tế khách quan là một người đã thực hiện tội phạm chứ không tùy thuộc vào nhận định chủ quan của các cơ quan áp dụng pháp luật. Các cơ quan áp dụng pháp luật có thể nhận định đúng thực tế khách quan, tức là nhận thức đúng người phạm tội, tiến hành khởi tố, truy tố và kết án người phạm tội, nếu nhận định không đúng thực tế khách quan, dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội, tuyên bố một người phạm tội là người vô tội v.v...

Người phạm tội là người thực hiện một hành vi được luật hình sự quy định là tội phạm, còn người bị coi là có tội là người bị Tòa án kết tội bằng một bản án và bản án đó đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, người phạm tội có thể không phải chịu trách nhiệm hình sự, không bị coi là có tội, còn người bị coi là có tội tức là người phạm tội đã phải chịu một hậu quả pháp lý trước Nhà nước về việc thực hiện hành vi phạm tội của mình, chịu sự lên án của Nhà nước mà Tòa án là người đại diện, thông qua việc áp dụng luật hình sự, kết tội người phạm tội.

Như vậy, suy đoán vô tội chỉ bao hàm nội dung suy đoán một người không bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật chứ không cần phải có thêm việc suy đoán một người không phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Tại Điều 10 BLTTHS quy định về nguyên tắc xác định sự thật của vụ án như sau: *“Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”*.

Nguyên tắc xác định sự thật của vụ án mà thuộc về nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội. Bởi vì, cùng với việc khẳng định một người không thể bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì cũng có nghĩa thừa nhận người bị buộc tội không có nghĩa vụ phải chứng minh sự vô tội của mình. Để xác định một người là người phạm tội, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải chứng minh được người đó

là người thực hiện hành vi bị luật hình sự coi là tội phạm. Nếu không chứng minh được một người đã thực hiện tội phạm thì không thể kết tội người đó.

Trên thực tế, có thể một người đã thực hiện tội phạm. Về khách quan, họ là người phạm tội, nhưng nếu không chứng minh được người đó đã thực hiện hành vi được luật hình sự coi là tội phạm, thì các cơ quan tiến hành tố tụng cũng không thể truy cứu, áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người đó. Chứng minh tội phạm là một quá trình. Quá trình đó diễn ra ở cả giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố và giai đoạn xét xử. Quyền và trách nhiệm chứng minh tội phạm không chỉ thuộc về Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát mà còn thuộc về Tòa án.

Mục đích của tố tụng hình sự là tội phạm phải được phát hiện và xử lý theo quy định của pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội. Tuy nhiên, trong thực tế, có thể xảy ra tình huống các chứng cứ buộc tội yếu, cả hai khả năng oan và lọt cùng song song tồn tại mặc dù các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết mà pháp luật quy định. Trong trường hợp này, nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi phải thực hiện theo hướng “*Thà bỏ lọt tội phạm còn hơn làm oan người vô tội*”.

3.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử

3.2.1. Thống nhất nhận thức về trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Một trong những quan điểm cải cách tư pháp được Đảng ta ghi nhận trong Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 2/1/2002 của Bộ Chính trị là “... hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người”. Quan điểm này đặt nền móng cho việc hoàn thiện các thủ tục tố tụng hình sự theo tinh thần đổi mới, dân chủ, gần dân hơn. Trong đó, trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung là một trong những thủ tục tố tụng có vị trí rất quan trọng, được Viện kiểm sát

hoặc Tòa án áp dụng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tố tụng hình sự, tránh bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Vì vậy, cần phải thống nhất nhận thức về lý luận và thực tiễn về trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng đặt trong điều kiện cải cách tư pháp là một đòi hỏi cấp thiết để thực thi hiệu quả, đúng đắn bộ luật tố tụng hình sự, góp phần phòng ngừa, xử lý tội phạm trong tình hình mới và trước yêu cầu cấp bách về xây dựng nhà nước pháp quyền nói chung và cải cách tư pháp gắn liền với đảm bảo quyền con người nói riêng.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc hoàn thiện nhiệm vụ, quyền hạn của người tiến hành tố tụng trong BLTTHS có ý nghĩa rất quan trọng về lý luận cũng như thực tiễn, đảm bảo cho các quy định của BLTTHS có tính khả thi cao, nâng cao hiệu quả hoạt động luật TTHS, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân nói chung, người tham gia tố tụng nói riêng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

Cần phân biệt chức năng, nhiệm vụ các cơ quan tiến hành tố tụng rõ ràng, có tính độc lập theo tính chất của chức năng tố tụng.

- Cần xây dựng một hệ thống cơ quan điều tra thống nhất, có tính độc lập tương đối với chức năng duy nhất là điều tra vụ án hình sự. Hệ thống cơ quan này bao gồm cơ quan điều tra của công an nhân dân và cơ quan điều tra trong quân đội.

Tách chức năng quản lý hành chính khỏi chức năng quản lý tố tụng của Thủ trưởng Cơ quan điều tra, có như vậy mới hạn chế sự phụ thuộc hoạt động điều tra vào sự quản lý, chỉ huy của người chỉ huy hoặc quản lý hành chính;

- Xây dựng cơ quan công tố thay cho Viện kiểm sát với chức năng duy nhất là thực hành quyền công tố trong luật TTHS. Để thực hành quyền công tố, cơ quan công tố phải là người chỉ đạo hoạt động khởi tố vụ án (phát động hoạt động tố tụng), chỉ đạo hoạt động điều tra và thực hiện việc buộc tội, quyết định truy tố người phạm tội ra trước Tòa án để xét xử và bảo vệ sự buộc tội đó trước Tòa. Từ góc độ đó, cơ quan công tố tự mình có thể ra bất kỳ

quyết định tố tụng nào và tự mình hoặc giao cho cơ quan điều tra thi hành hoặc phê chuẩn các quyết định tố tụng của cơ quan điều tra; đồng thời phải chịu trách nhiệm về việc ra quyết định hoặc về sự phê chuẩn đó.

Cơ quan công tố có quyền hạn và trách nhiệm không chỉ trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, mà quan trọng hơn nữa là phát hiện tội phạm và áp dụng mọi biện pháp pháp luật quy định để tội phạm được xử lý. Vì vậy, cần tăng cường hơn nữa quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan công tố trong xử lý tin báo về tội phạm, phát hiện tội phạm, xác minh và khởi tố vụ án hình sự.

Về chức năng, cơ quan công tố chỉ đạo hoạt động khởi tố, chỉ đạo hoạt động điều tra để chuẩn bị cho việc buộc tội người phạm tội. Vì vậy, không nên giao cho cơ quan công tố chức năng điều tra và không nên tổ chức cơ quan điều tra riêng của cơ quan công tố.

Phân biệt rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án trong việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động tố tụng và trong tiến hành tố tụng đối với vụ án cụ thể. Tăng quyền hạn, trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trong hoạt động tố tụng.

Đây là nội dung rất quan trọng trong việc hoàn thiện quy định của BLTTHS về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp (tăng cường tranh tụng, đảm bảo dân chủ, công khai các hoạt động tố tụng, gắn quyền hạn với trách nhiệm của người tiến hành tố tụng...), nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng và bảo đảm tính kịp thời của hoạt động tố tụng đối với từng vụ án cụ thể.

- Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án chỉ thực hiện các nhiệm vụ hành chính tư pháp và phát động quá trình tố tụng thuộc chức năng, thẩm quyền của cơ quan mình (như quyết định khởi tố vụ án, quyết định phân công Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán...);

- Các nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng cụ thể liên quan đến giải quyết vụ án (như ra các quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, các quyết định về

giải quyết thực chất vụ án như tạm đình chỉ, đình chỉ, kết luận điều tra, đề nghị truy tố, truy tố, đưa vụ án ra xét xử...) do Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán được phân công thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật; không nên để tình trạng người trực tiếp thực hiện các biện pháp tố tụng thì không có thẩm quyền quyết định và ngược lại, người có thẩm quyền quyết định thì chỉ nghe báo cáo mà không trực tiếp tiến hành tố tụng làm cho các quyết định tố tụng khó có thể chính xác, khách quan. Hơn nữa, tình trạng này cũng dễ dẫn đến trách nhiệm không rõ ràng giữa những người tiến hành tố tụng;

Từ những phân tích trên, về cơ cấu, BLTTHS chỉ cần điều khoản quy định nhiệm vụ, quyền hạn hành chính tư pháp của Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án (không bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng) và điều khoản quy định nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán (bao gồm cả của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án, Phó Chánh án khi họ trực tiếp tiến hành tố tụng đối với vụ án).

Quy định rõ hậu quả tố tụng và trách nhiệm đối với việc vi phạm các quy định về quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng.

- Mọi trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quyền hạn, trách nhiệm được quy định trong BLTTHS đều là vi phạm nghiêm trọng thủ tục TTHS và phải được khắc phục bằng các biện pháp tố tụng: các quyết định trái pháp luật phải được hủy bỏ hoặc hủy bỏ để tiến hành tố tụng lại cho đúng pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của người tham gia tố tụng, tính chính xác, khách quan trong giải quyết vụ án hình sự.

- Hoàn thiện các quy định của BLTTHS về khiếu nại theo hướng: Khiếu nại về các hành vi hay quyết định hành chính tư pháp của cơ quan, người tiến hành tố tụng thì do Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng tự mình hoặc cấp trên giải quyết; khiếu nại về các hành vi và quyết định tố tụng thì do các cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng có thẩm quyền giải quyết bằng các biện pháp tố tụng như hủy bỏ, thay thế, hủy bỏ và tiến hành tố tụng lại hoặc tự

mình sửa đổi... Cụ thể là: khiếu nại liên quan đến hoạt động điều tra vụ án do Kiểm sát viên chỉ đạo hoạt động điều tra giải quyết; khiếu nại liên quan đến hoạt động công tố do cơ quan công tố cấp trên giải quyết; khiếu nại liên quan đến hoạt động xét xử do Tòa án cấp trên giải quyết.

3.2.3. Hướng dẫn thực hiện pháp luật

Thực tế các quy định của BLTTHS và các văn bản hướng dẫn bổ sung về quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung là tương đối đầy đủ, phù hợp với thực tiễn giải quyết vụ án, phù hợp với mô hình thẩm vấn và tranh tụng hiện nay, mặt khác vì thực tiễn xét xử nhiều năm qua, không có vướng mắc về vấn đề này nhiều bởi lẽ: Các cơ quan tiến hành tố tụng đều có chung một nhiệm vụ là bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ này đã gắn kết các cơ quan tiến hành tố tụng thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ngoài các chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan tố tụng, việc phối hợp, hợp tác trong quá trình giải quyết án hình sự là một đòi hỏi không thể thiếu dưới chế độ XHCN. Quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung mà BLTTHS quy định tại Điều 179 và các văn bản hướng dẫn nhằm mục đích cho các cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định sự thật khách quan của vụ án, nếu có sai sót hoặc vi phạm nghiêm trọng về thủ tục thì phải khắc phục. Đây là quan điểm cải cách tư pháp của Đảng và nhà nước tránh oan, sai. Tuy nhiên, không thể tránh khỏi những sai sót trong luật TTHS và trong các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, dẫn đến việc nhận thức pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là không thống nhất, có những quan điểm của Tòa án có thể được Viện kiểm sát chấp nhận nhưng cũng có thể không được Viện kiểm sát chấp nhận. Các quan điểm đó trong quá trình giải quyết vụ án không phải là sự buộc tội của Tòa án đối với bị cáo vì nếu Viện kiểm sát không chấp nhận thì Tòa án cũng không buộc tội theo quan điểm của mình được. Mặt khác, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc người tiến hành tố tụng theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2010 là biện pháp đảm bảo việc giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp

luật, đồng thời, cũng đảm bảo tính chế ước, sự hợp tác của các cơ quan tiến hành tố tụng. Đảm bảo quyền con người, bảo vệ Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật do nhà nước ban hành

3.2.4. Tăng cường công tác tổng kết, rút kinh nghiệm, phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự

- Công tác tổng kết, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng xét xử và thống nhất áp dụng pháp luật là một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành Tòa án. Việc tổng kết rút kinh nghiệm, tìm ra những hạn chế, nguyên nhân và giải pháp khắc phục những hạn chế trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án có ý nghĩa rất quan trọng đối với yêu cầu bảo đảm chất lượng áp dụng pháp luật của hoạt động này. Bên cạnh việc tổng kết hàng năm, theo định kỳ (hàng tháng, hàng quý) Tòa án cũng cần tự đánh giá, xác định số vụ trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong đó, phải phân tích lý do trả hồ sơ để điều tra bổ sung về chứng cứ, về tố tụng, số vụ trả có căn cứ, số vụ trả không có căn cứ; xác định nguyên nhân và trách nhiệm trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung không có căn cứ pháp luật để có biện pháp khắc phục và xử lý kịp thời.

- Cùng với việc tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động trả hồ sơ Tòa án cần thường xuyên tổ chức các chuyên đề nghiên cứu khoa học phục vụ công tác xét xử trong đó có các chuyên đề riêng về trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Việc xây dựng chuyên đề cần có sự tham gia của cả ba cơ quan tiến hành tố tụng là Công an, Viện Kiểm sát và Tòa án. Chuyên đề cần được đưa ra hội thảo và áp dụng vào thực tiễn công tác để phát huy hiệu quả.

- Một giải pháp quan trọng nữa nhằm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong tố tụng hình sự là cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan và cá nhân những người tiến hành tố tụng trên cơ sở đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, không hữu khuynh hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Hạn chế tới mức thấp nhất, tiến

tới loại bỏ tình trạng trả hồ sơ nhiều lần, trả hồ sơ để “hợp lý hoá” thời hạn tố tụng. Cần xây dựng quy chế phối hợp liên ngành trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2010 để thống nhất vận dụng trong thực tiễn.

Liên ngành tố tụng Thành phố cần tổ chức sơ kết việc thực hiện Thông tư liên tịch số 01/2010 theo định kỳ đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, rút kinh nghiệm đối với việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm phát hiện kịp thời những sai sót, hạn chế để làm rõ nguyên nhân và kiểm điểm nghiêm túc đối với những cá nhân có trách nhiệm.

3.2.5. Nâng cao trình độ, năng lực cho Thẩm phán, Công tố viên, Điều tra viên và Luật sư

Mọi sự thay đổi, cải cách suy đến cùng vẫn là con người. Nếu trình độ, năng lực, kinh nghiệm nghề nghiệp của đội ngũ Thẩm phán, Công tố viên, Điều tra viên. Vì vậy, việc tiêu chuẩn hoá đội ngũ này cần phải tiến hành đồng bộ với quá trình cải cách tư pháp theo một lộ trình hợp lý.

- Đối với đội ngũ Thẩm phán, cần nghiên cứu bỏ hình thức xét tuyển bằng hình thức thi tuyển, không chỉ thi tuyển vào ngạch Thẩm phán mà thi tuyển từ Thẩm phán sơ cấp lên Thẩm phán trung cấp, từ trung cấp lên Thẩm phán cao cấp, từ cao cấp lên Thẩm phán tối cao.

- Đối với Công tố viên (Kiểm sát viên hiện nay), ngoài kiến thức về kiểm sát điều tra thì phải có kiến thức điều tra và chỉ huy điều tra; năng lực, trình độ, kinh nghiệm xét hỏi, tranh luận tại phiên toà. Cũng cần thi tuyển như đối với Thẩm phán.

- Đối với Điều tra viên là người trực tiếp thực hiện việc điều tra tội phạm, ngoài kiến thức pháp luật thì còn cần phải giỏi về nghiệp vụ điều tra, khám phá tội phạm, hiểu và sử dụng thành thạo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ và cần phải giáo dục lương tâm, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức pháp luật. Việc bổ nhiệm Điều tra viên cũng phải áp dụng hình thức thi tuyển như đối với Thẩm phán và Công tố viên.

- Đối với Luật sư cần tăng về số lượng, đồng thời quan tâm đến chất lượng, chế độ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, thi tuyển phải bảo đảm các tiêu chuẩn về năng lực và đạo đức nghề nghiệp của Luật sư; khi cấp thẻ luật sư cũng phải có tiêu chí chặt chẽ trước khi hàng nghề, đồng thời xử lý nghiêm minh đối với Luật sư vi phạm pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

3.2.6. Xây dựng mối quan hệ tổ tụng “phối hợp” giữa Viện kiểm sát và Tòa án

Thực tiễn cho thấy địa phương nào Tòa án và Viện kiểm sát có sự phối hợp thì tỉ lệ Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung thấp. Do vậy, quan này cần tiếp tục thực hiện tốt sự phối hợp liên ngành để hạn chế tình trạng trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Mặt khác cần thiết xây dựng quy chế phối hợp liên ngành nội chính các cấp về mối quan hệ giữa các cơ quan, cán bộ tiến hành tổ tụng trong việc giải quyết các vụ án. Hiện nay, mối quan hệ này được thực hiện trên những văn bản là BLTTHS và một số thông tư liên ngành cấp Trung ương. Tuy nhiên, những văn bản này chưa quy định rõ trách nhiệm phối hợp của các bên hoặc có quy định trách nhiệm nhưng không có sự ràng buộc trách nhiệm pháp lý nào nên rất khó cụ thể hóa tại địa phương, do vậy trong thời gian tới cần tiếp tục nghiên cứu, bàn bạc, thảo luận trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành để ban hành “Quy chế phối hợp trong việc điều tra bổ sung các vụ án hình sự”.

Về quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát và Tòa án trong trả hồ sơ để điều tra bổ sung: trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công nghiên cứu hồ sơ cần phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án để đánh giá toàn diện chứng cứ, nếu phát hiện còn thiếu chứng cứ hoặc có vi phạm thủ tục tổ tụng thì Thẩm phán trao đổi và yêu cầu Kiểm sát viên bổ sung chứng cứ. Tránh trường hợp những chứng cứ có thể bổ sung được nhưng Thẩm phán không tạo điều kiện để Kiểm sát viên bổ sung hoặc nghiên cứu hồ sơ chưa kỹ nên không phát hiện được những chứng cứ còn thiếu, đến khi xét xử mới phát hiện được dẫn đến hoãn phiên tòa trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên chủ động phối hợp với Hội đồng xét xử làm rõ những tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề mới hoặc phức tạp mà không bổ sung được, thì Hội đồng xét xử mới trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Trước khi quyết định trả điều tra bổ sung, Thẩm phán cần trao đổi trước với Kiểm sát viên những vấn đề cần được làm rõ thêm; những nội dung còn thiếu trong hồ sơ vụ án mà Viện kiểm sát hoặc Tòa án không thể tự mình bổ sung được, thường xuyên tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện quy định của BLHS, BLTTHS và các văn bản hướng dẫn để báo cáo lãnh đạo liên ngành pháp luật Trung ương sửa đổi, bổ sung. Đối với các vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung, các cơ quan tiến hành tố tụng cần nghiêm túc kiểm điểm làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm cá nhân, đồng thời rút kinh nghiệm trong toàn đơn vị.

3.2.7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung

- Hoạt động của Tòa án nhân dân cũng như các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, tăng cường, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Tòa án nhân dân là nội dung rất quan trọng và cần thiết. Tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với Tòa án để đảm bảo phát huy đầy đủ vị trí, vai trò của Tòa án hoàn thành chức năng, nhiệm vụ theo luật định, duy trì bảo vệ nền pháp chế xã hội chủ nghĩa, vì sự công bằng, dân chủ, nghiêm minh trong tổ chức thi hành pháp luật.

Đổi mới và hoàn thiện quy chế lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự,

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát ngành dọc về công tác trả hồ sơ để điều tra bổ sung, trường hợp trả không đúng, trả đúng cần có biện pháp chấn chỉnh rút kinh nghiệm hoặc động viên toàn ngành, đây là biện pháp hữu hiệu trong việc học tập, rút kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ từ đó có

quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bố trí, sử dụng cán bộ có chức danh tư pháp vào vị trí phù hợp với năng lực và yêu cầu công tác.

Các cấp uỷ Đảng ở địa phương cần tăng cường sự phối hợp với TAND Tối cao trong công tác tổ chức cán bộ của Toà án cấp tỉnh và cấp huyện, nhất là việc xem xét quy hoạch cán bộ lãnh đạo Tòa án tham gia cấp uỷ cùng cấp.

Kết luận chương 3

Trên đây là các giải pháp bảo đảm hiệu quả của hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Mặc dù các giải pháp này chưa thật sự cụ thể, nhiều nội dung còn mang nặng tính lý luận, hình thức. Tuy nhiên với sự hiểu biết nhất định của tác giả nhưng đã cố gắng nêu ra và hy vọng sẽ phần nào giúp ích cho Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nói riêng và toàn quốc nói chung, qua đó có thể triển khai chi tiết hơn nữa các giải pháp nêu trên dù chỉ là một phần nhỏ và ứng dụng vào thực tiễn quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình, góp phần đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay và hướng đến năm 2020.

KẾT LUẬN

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự là một hình thức cụ thể của áp dụng pháp luật, trong đó Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa trong thời hạn chuẩn bị xét xử hoặc Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thấy có các căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, ra quyết định trả lại hồ sơ vụ án hình sự cho Viện kiểm sát để điều tra bổ sung nhằm khắc phục những thiếu sót trong quá trình điều tra, truy tố, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Việc thực hiện trả hồ sơ điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm nếu chính xác sẽ góp phần quan trọng vào việc giải quyết vụ án được kịp thời, triệt để toàn diện và khách quan. Ngược lại nếu quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung không căn cứ theo quy định của pháp luật sẽ làm cho quá trình giải quyết vụ án bị kéo dài gây lãng phí thời gian, công sức, tài sản của Nhà nước, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và ảnh hưởng đến mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan tiến hành tố tụng.

Trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội trong thời gian qua đã phát huy những tác dụng quan trọng đối với công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh, chính trị, ổn định trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện để thành phố phát triển bền vững xứng đáng là thành phố trung tâm chính trị, văn hóa của cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập nhất định do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, cần được phân tích làm rõ để từ đó có những giải pháp khắc phục mang tính khả thi nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động này, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng về những kết quả đã đạt được cũng như những hạn chế trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội thời gian vừa qua; tìm hiểu về các nguyên nhân dẫn đến việc Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung cũng như các tồn tại trong việc ban hành các quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, tác giả luận văn đã nêu ra quan điểm và đề xuất những giải pháp bảo đảm áp dụng pháp luật đúng đắn trong hoạt

động trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự trong thời gian tới. Những kết quả nghiên cứu của luận văn đã góp phần bổ sung một cách có hệ thống về mặt lý luận, nhận thức pháp luật, phục vụ yêu cầu thực tiễn trong hoạt động trả hồ sơ để điều tra bổ sung nói riêng của ngành TAND trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay.

Để hoàn thành luận văn, ngoài tâm huyết và nỗ lực của mình, tác giả đã nhận được sự hướng dẫn hết sức tận tình của PGS. TS Trần Văn Độ, sự hỗ trợ giúp đỡ to lớn của bạn bè, đồng nghiệp. Tuy nhiên, vì đây là một đề tài nghiên cứu phức tạp, bên cạnh đó, thời gian, phạm vi và khả năng nghiên cứu có giới hạn nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học và bạn bè, đồng nghiệp để luận văn được hoàn chỉnh hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Cẩm (2004), “Một số vấn đề lý luận chung về các giai đoạn tố tụng hình sự”, *Tạp chí kiểm sát*,
2. Lê Tiến Châu (2009), *Chức năng xét xử trong tố tụng hình sự*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
3. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Vi Dân (2010), “Một số giải pháp khắc phục việc trả hồ sơ bổ sung, điều tra lại”, *Tạp chí Kiểm sát*, tr. 20-22.
5. Phương Dung (2011), *Một số vấn đề về sử dụng chứng cứ trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*,
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 25/04/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Nguyễn Minh Đức (2006), “Một số ý kiến về việc áp dụng quy định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong BLTTHS 2003”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (6).
9. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ ba “Xét xử sơ thẩm” của BLTTHS 2003*, Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Kiên (2012), “Hoàn thiện chế định tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung trong Bộ luật tố tụng hình sự 2003”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, tr. 37-43.
11. Nguyễn Ngọc Kiên (2012), “Mối quan hệ giữa Tòa án và Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự, *Dân chủ và pháp luật*, (10), tr. 50-53.
12. Nguyễn Triệu Luật (2013), *Chế định điều tra bổ sung trong hoạt động tố tụng hình sự của ngành Tòa án nhân dân*, baomoi.com, (ngày 27/9).
13. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
14. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
15. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.

16. Đinh Văn Quế (1999), “Vấn đề trả tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung”, *Tòa án nhân dân*, (4), tr.7-11.

17. Lê Hữu Thể (2010), *Hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự Việt Nam theo yêu cầu cải cách tư pháp*,

18. Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội (2012, 2013, 2014, 2015, 2016), *Báo cáo tổng kết*, Hà Nội.

19. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

20. Nguyễn Văn Việt (2009), “Cần sớm sửa đổi khoản 2 Điều 121 Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung”, *Tạp chí Kiểm sát*, (19).

21. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2013), *Báo cáo kết quả 03 năm thực hiện thông tư liên tịch về trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Hà Nội (số liệu từ ngày 01/9/2010 đến 31/8/2013)*, Hà Nội.

22. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện thông tư liên tịch số 01 hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung (số liệu từ năm 2010 đến 2013)*.

23. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tình hình thực hiện thông tư liên tịch số 01 hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung (số liệu từ ngày 01/12/2011 đến 30/11/2012)*.

24. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ nội vụ (1996), *Thông báo số 61/KT-LN năm 1996 của liên ngành (nay là Bộ Công an) hướng dẫn thời hạn điều tra bổ sung*, Hà Nội.

Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao (2010),

25. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08/2002/NQ-TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*

26. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 48/2005/NQ-TW ngày 24/05/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*

27. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/2005/NQ-TW ngày 02/06/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*
28. Chính phủ (2002), *Chỉ thị số 10 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*
29. Lê Cẩm (1999), “ Những cơ sở khoa học - thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật hình sự nước ta trong giai đoạn hiện nay”, Khoa học (KHXX), tr.21.
30. Lê Cẩm (2006), “ Các nguyên tắc cơ bản của cải cách tư pháp trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án (số 2 kỳ 1)*
31. Lê Cẩm (2004), “ Một số vấn đề lý luận chung về các giai đoạn tố tụng hình sự”, *Tạp chí Kiểm sát*, tr.22
32. Nguyễn Ngọc Chí (2007) “ Các nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự ”, *Đề cương chi tiết bài giảng*
33. Nguyễn Đức Dũng (2006), “ Những trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định tại Điều 179 BLTTHS”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (số 3 kỳ 1),
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
36. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), “*Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
37. Bùi Kiên Điện và Hoàng Thị Sơn (1999), “*Những nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS Việt Nam*”, NXB CAND, Hà Nội
38. Đỗ Văn Dương (2007), “ Tiếp tục sửa đổi Bộ luật tố tụng hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp”, *Tạp chí Kiểm sát*, tr.22
39. B. M.Xavidski (1997): *Suy đoán vô tội* (tiếng Nga), NXB NORMA, M, tr.8.
40. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu quyền con người, (2004) “ Các văn kiện quốc tế về quyền con người ”, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.56 (1).

41. Toà án nhân dân tối cao (1990), các văn bản về Hình sự, Dân sự và Tổ tụng hình sự, tr.

42. Đỗ Mười (1995), “ Xây dựng Nhà nước pháp quyền là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”, *Thông tin Khoa học pháp lý*,

43. Trần Thế Vượng (1999), Những nguyên tắc cơ bản của TTTHS Việt Nam và yêu cầu của việc sửa đổi toàn diện BLTTTHS, *Kỷ yếu Hội thảo của Ủy ban pháp luật của Quốc hội, TP.HCM* , tr.12.

44. Võ Khánh Vinh (chủ biên, 2004), “ Bình luận khoa học Bộ luật Tổ tụng hình sự ”, NXB Công an nhân dân, tr.529.

45. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), Thông tin khoa học kiểm sát, số chuyên đề về Luật Tổ tụng hình sự Cộng hoà Liên bang Đức.

46. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), Viện khoa học kiểm sát, Bộ luật tố tụng của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

47. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), Viện khoa học kiểm sát, Bộ luật tố tụng của Liên bang Nga.